

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3203001787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 05 ngày 02/11/2015 với mã số doanh nghiệp là 0400599162)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 828/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 14 tháng 12 năm 2016)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ : 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại : 0511 221 2545 Số fax : 051 1222 1000

Website : www.pc3invest.vn Email : pc3i@pc3invest.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : 08 6290 8686 Số fax : 08 6291 0607

Website : www.fpts.com.vn Email : fptsecurities@fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: NGUYỄN LƯƠNG MÍNH

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại : 0511 221 2545 Số fax : 051 1222 1000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3203001787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 05 ngày 02/11/2015 với mã số doanh nghiệp là 0400599162)

(Địa chỉ trụ sở chính: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, số điện thoại: 051 1221 2545, fax: 051 1222 1000, email: pc3i@pc3invest.vn, website: www.pc3invest.vn)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: PIC

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 29.146.707 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 291.467.070.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Đơn vị thực hiện kiểm toán năm 2014, năm 2015

CÔNG TY : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ : Lô 78 – 80, Đường 30/4, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại : 0511 3655 886 **Số fax** : 0511 3655 887

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : 08 6290 8686 **Số fax** : 08 6291 0607

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. Tổ chức niêm yết	10
2. Tổ chức tư vấn	10
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
2. Cơ cấu tổ chức công ty	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	24
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; cơ cấu cổ đông.....	30
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết... ..	31
6. Hoạt động kinh doanh.....	32
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	41
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	43
9. Chính sách đối với người lao động.....	46
10. Chính sách cổ tức.....	48
11. Tình hình hoạt động tài chính	48
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	54
13. Tài sản.....	73
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	75
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	79
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	80
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	80
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	81
1. Loại chứng khoán	81
2. Mệnh giá	81
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	81
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.	81

5. Phương pháp tính giá:	82
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	83
7. Các loại thuế có liên quan	84
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	86
1. Tổ chức niêm yết:	86
2. Tổ chức tư vấn:	86
3. Tổ chức kiểm toán	86
VII. PHỤ LỤC.....	86

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn	19
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5 % được chốt ngày 12/10/2016	30
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/10/2016	30
Bảng 4: Sản lượng điện của Công ty qua các năm:	34
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần.....	35
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp.....	36
Bảng 7: Chi phí hoạt động SXKD	36
Bảng 8: Các máy móc thiết bị Công ty đang trang bị cho công trình.....	37
Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty	41
Bảng 10: Tình hình tài chính các doanh nghiệp cùng ngành.....	45
Bảng 11: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cùng ngành.....	46
Bảng 12: Cơ cấu lao động tại Công ty đến ngày 30/09/2016	46
Bảng 13: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	49
Bảng 14: Số dư các quỹ trích lập theo luật định	50
Bảng 15: Tình hình nợ vay của Công ty	50
Bảng 16: Dư nợ vay và nợ của Công ty tại thời điểm 30/09/2016	50
Bảng 17: Công nợ phải thu của Công ty.....	51
Bảng 18: Công nợ phải trả của Công ty.....	52
Bảng 19: Chi tiết hàng tồn kho của Công ty.....	52
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	53
Bảng 21: Danh sách Ban Lãnh đạo Công ty:	54
Bảng 22: Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	73
Bảng 23: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2015.....	74
Bảng 24: Giá trị tài sản cố định đến ngày 30/09/2016.....	74
Bảng 25: Những tài sản có giá trị lớn Công ty đang sử dụng.....	75
Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2016 và những năm tiếp theo	76

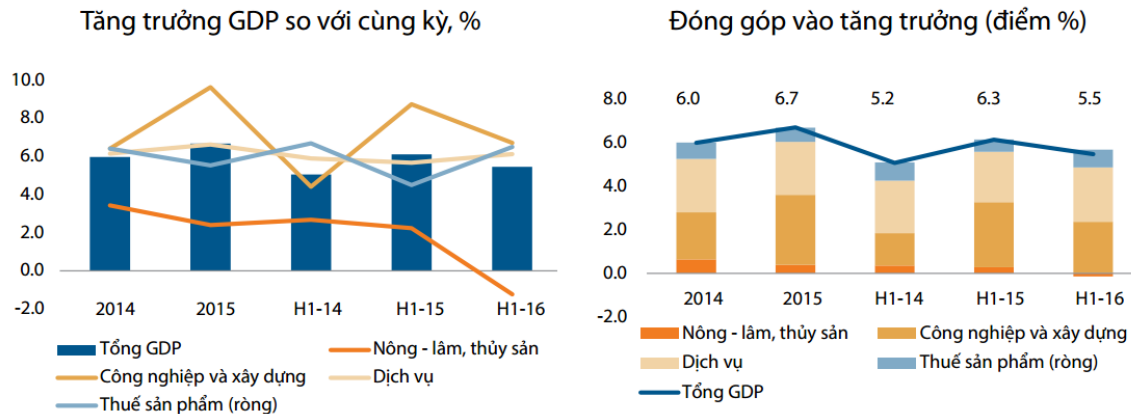
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng của nền kinh tế

Theo Ngân hàng thế giới, trong nửa đầu năm 2016, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tại Việt Nam đã chững lại, chủ yếu do bị tác động nghiêm trọng của hạn hán và xâm nhập mặn lên vùng sản xuất nông nghiệp chính, làm cho sản lượng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,2% sản lượng (6 tháng/2015 tăng 2,2%). Sản lượng công nghiệp cũng tăng chậm lại, xuống mức 6,8% (6 tháng đầu năm 2015 tăng 9,7%) do sự sụt giảm của ngành khai thác khoáng sản. Ngược lại, ngành xây dựng có mức tăng trưởng tốt hơn nhờ nguồn tín dụng tăng và thị trường bất động sản có những dấu hiệu phục hồi tích cực. Bên cạnh đó ngành dịch vụ cũng tăng tốc nhờ tăng trưởng bán buôn, bán lẻ do tiêu dùng trong nước tiếp tục được duy trì và các hoạt động du lịch khởi sắc.



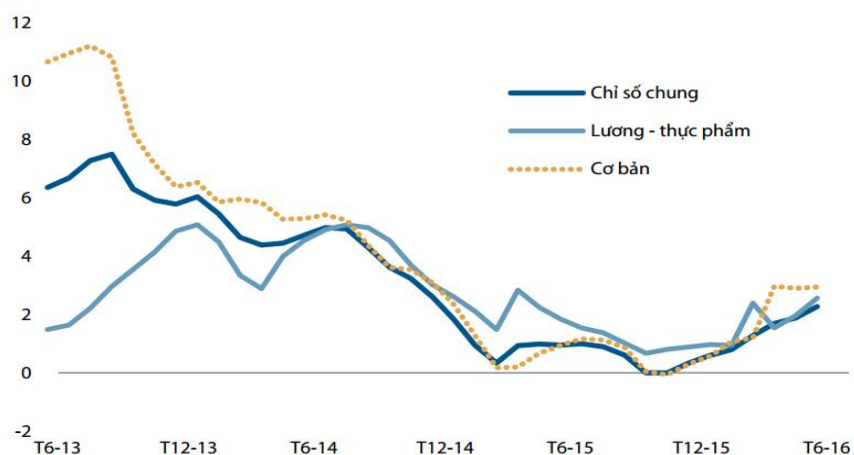
Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Trên cơ sở đặc thù của doanh nghiệp đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng, Công ty cũng không thể tránh khỏi những tác động đến hiệu quả kinh doanh do những biến động của kinh tế vĩ mô.

Rủi ro về lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tại Việt Nam có gia tăng trong những tháng gần đây nhưng áp lực lạm phát vẫn

dự kiến ở mức độ vừa phải. Chỉ số giá tiêu dùng trong 6 tháng đầu năm 2016 tăng do giá lương thực thực phẩm và dịch vụ hành chính tăng.



Chỉ số giá tiêu dùng, % so với cùng kỳ năm ngoái

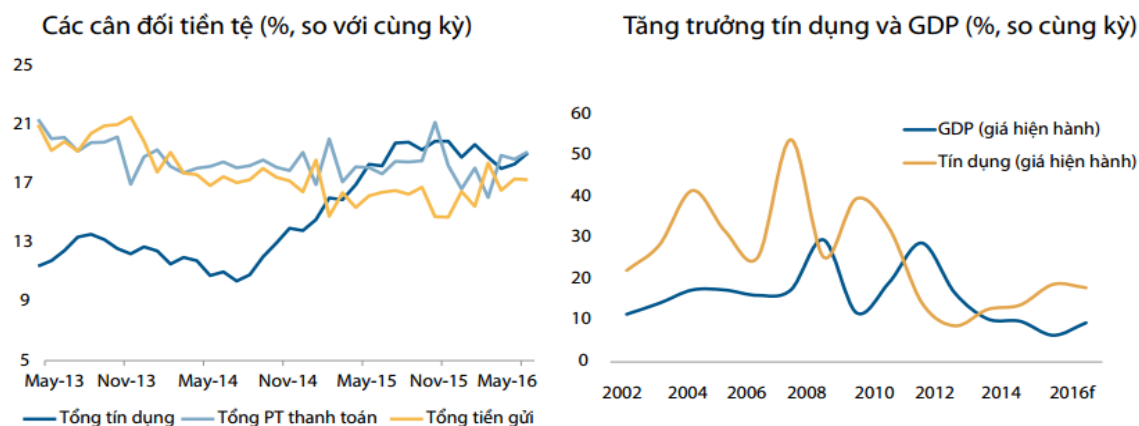
Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Số liệu thống kê của Ngân hàng thế giới cho thấy Chỉ số CPI chung tháng 6 năm 2016 tăng 0,46% so với tháng trước, làm cho CPI tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức 0,6% của năm 2015. Sản lượng nông nghiệp giảm do ảnh hưởng của thời tiết cũng làm cho giá lương thực, thực phẩm tăng 2,8% so với cùng kỳ. Mặc dù vậy, lạm phát dự kiến vẫn ở mức vừa phải và duy trì ở mức dưới 5% theo mục tiêu Chính phủ đề ra cho năm nay.

Lạm phát có tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của mọi doanh nghiệp. Nếu lạm phát xảy ra sẽ kéo theo sự gia tăng chi phí vốn đầu tư các công trình, gia tăng chi phí vận hành và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Công ty.

Rủi ro về lãi suất

Trong năm 2016, mục tiêu chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước vẫn tập trung vào đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng, bao gồm tăng trưởng kinh tế 6,7%, lạm phát dưới 5%, tăng trưởng tín dụng 18-20%, nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ ngành ngân hàng.



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Mặc dù lạm phát đã trở về mức thấp nhưng Ngân hàng Nhà nước vẫn chưa điều chỉnh lãi suất kể từ năm 2014. Tuy vậy, một số ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay với kết quả là tín dụng tăng 18,8% trong năm 2015. Trong những tháng đầu năm 2016, xu thế tăng trưởng tín dụng vẫn tiếp tục với tốc độ khoảng 6% kể từ đầu năm, tương đương mức tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đặc thù của hoạt động đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện là đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn, trong đó nguồn vốn vay thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu vốn. Vì vậy, sự biến động của lãi suất sẽ có tác động đến khả năng huy động vốn để đầu tư cho các dự án công trình thủy điện cũng như ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro biến động lãi suất, Công ty đã chủ động tạo lập nguồn vốn để đầu tư, đồng thời tìm kiếm nguồn vốn đi vay có lãi suất thấp từ các tổ chức tín dụng, các ngân hàng cho các dự án thủy điện sắp tới của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Điện lực và các quy định khác của Chính phủ liên quan đến ngành điện...

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam chưa được đồng bộ và đang trong quá trình sửa đổi hoàn thiện, vì vậy việc thay đổi những quy định chính sách sẽ ảnh hưởng đến Công ty. Vì vậy, Công ty cần hiểu rõ những quy định của pháp luật để tránh khỏi những rủi ro pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

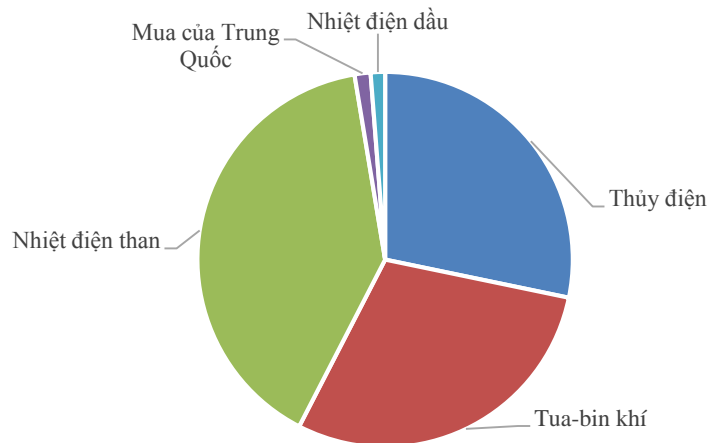
Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn từ năm 2011 – năm 2020 có xét đến năm 2030 đã được điều chỉnh bởi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày

18/3/2016, hàng năm nhu cầu điện ở Việt Nam tăng bình quân ở mức 7% (giai đoạn từ năm 2016 – năm 2030), tương đương với mức tăng trưởng GDP bình quân.

Ưu tiên phát triển các nguồn thủy điện, nhất là các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện); Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên khoảng 21.600 MW vào năm 2020, 24.600 MW vào năm 2025 và khoảng 27.800 MW vào năm 2030. Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng khoảng 29,5% vào năm 2020, khoảng 20,5% vào năm 2025 và khoảng 15,5% vào năm 2030.

Mặt khác, thị trường sản xuất điện năng ở Việt Nam hiện nay có đặc điểm là cung chưa đáp ứng đủ cầu. Sản lượng điện sản xuất và mua của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong tháng 6/2016 ước đạt 15,65 tỷ kWh. Lũy kế 6 tháng năm 2016 đạt 84,75 tỷ kWh, tăng 10,75% so với cùng kỳ. Trong tổng sản lượng điện sản xuất và mua 6 tháng, thủy điện chiếm 28,3%, tua-bin khí chiếm 29,36%, nhiệt điện dầu chiếm 1,24%, điện mua Trung Quốc chiếm 1,38% và đặc biệt, nhiệt điện than đạt sản lượng huy động cao, chiếm 39,87%.

Tổng sản lượng điện sản xuất và mua 6 tháng đầu năm 2016



Nguồn: Thông cáo báo chí Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Những thông tin trên cho thấy tính ổn định và mức độ hấp dẫn của ngành điện. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện và sản xuất kinh doanh điện năng cũng có những rủi ro đặc thù về nguồn nước.

Điều kiện tự nhiên là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả của các nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn nước.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lưu lượng nước đến

thấp hơn so với thiết kế, trong khi các nhà máy thủy điện của Công ty không có hồ điều tiết nên ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá, và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết**

- Ông: NGUYỄN THÀNH Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: NGUYỄN LƯƠNG MINH Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà: ĐẶNG THỊ THU NGA Chức vụ: Kế toán trưởng
- Ông: NGUYỄN MINH HOÀI Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Giám đốc Tư vấn Tài Chính Doanh Nghiệp: Bà Lê Quang Ngọc Thanh

Giấy UQ số 12-2016/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 08/03/2016

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Nhóm từ/từ viết tắt	Diễn giải
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CDM	Cơ chế phát triển sạch (theo nghị định tư Kyoto - 1997 - chương trình khung về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc)
CERs	Giảm phát thải được chứng nhận
Công ty	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3
CTCP	Công ty cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EPS	Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
EVNCPC	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
GCN ĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HDQT	Hội đồng quản trị
LNG	Lợi nhuận gộp
LNHĐSXKD	Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NMTĐ	Nhà Máy Thủy Điện
QLDA	Quản lý dự án
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TTS	Tổng Tài sản
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VSD	Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Tên tiếng anh : PC3-INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : PC3-INVEST

Logo :



Vốn điều lệ đăng ký : 291.467.070.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi một tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Vốn điều lệ thực góp: 291.467.070.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi một tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Trụ sở chính: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 051 1221 2545

Fax : 051 1222 1000

Website : www.pc3invest.vn

Email : pc3i@pc3invest.vn

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lương Minh - Tổng giám đốc

Ngày trở thành công ty đại chúng: 09/05/2009

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3203001787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 05 ngày 02/11/2015 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh chủ yếu là Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Những ngành, nghề kinh doanh mà Công ty đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kết bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tiền thân Ban quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, trực thuộc Công ty Điện lực 3 (nay là EVNCPC) thành lập vào ngày 9/10/2002 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/10/2002.

Ngày 21/12/2007, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được thành lập. ĐHĐCĐ quyết định tiếp nhận các hoạt động dở dang của Ban Quản lý Dự án Các công trình thủy điện vừa và nhỏ, trong đó có các dự án nhà máy thủy điện mà Công ty Điện lực 3 đang thực hiện để tiếp tục đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh điện năng, bao gồm: NMTĐ Đăk Pône (tỉnh Kon Tum, đang ở giai đoạn thi công xây dựng); NMTĐ Đa Krông 1 (tỉnh Quảng Trị, đang ở giai đoạn lập Dự án đầu tư) và NMTĐ Sông Tranh 5 (tỉnh Quảng Nam, đang nghiên cứu bổ sung quy hoạch).

Ngày 02/01/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 3203001787 lần đầu, với vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng (sáu trăm tỷ đồng). Ở thời điểm thành lập, Công ty có 6 cổ đông sáng lập, gồm: Công ty Điện lực 3 (nay là EVNCPC), Công ty TNHH Đại Hoàng Hà, Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại và Công nghiệp Việt Á, Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà và Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng (Cavico).

Ngày 28/04/2009, ĐHĐCĐ đã thống nhất cho cổ đông Cavico rút khỏi danh sách cổ đông sáng lập do khó khăn về tài chính đồng thời đồng ý để Công ty Điện lực 3 (nay là EVNCPC) nhận góp vốn thay cho Cavico. Đồng thời, ĐHĐCĐ cũng đã thống nhất chủ trương đầu tư dự án NMTĐ Đa Krông 1, huyện Đa Krông, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 28/11/2009, Công ty đã tổ chức lễ động thổ thi công dự án NMTĐ Đa Krông 1 (12MW) tại huyện Đa Krông, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 01/06/2010, NMTĐ Đăk Pône chính thức đưa vào vận hành thương mại. Đây là Công trình được Ban Quản lý Dự án Các công trình thủy điện vừa và nhỏ trực thuộc Công ty Điện lực 3 khởi công tháng 11/2004, nhưng tại thời điểm bàn giao vào đầu năm 2008, Công trình chỉ mới hoàn thành một số hạng mục phụ trợ (tương ứng khoảng 20% khối lượng xây dựng công trình). Ngay sau khi nhận bàn giao từ Công ty Điện lực 3, Công ty đã nỗ lực giải quyết các vướng mắc về thiết kế và khó khăn ở công trường, tăng cường quản lý đầu tư xây dựng nên hoàn thành nhà máy thủy điện Đăk Pône hồ A (14MW) vào tháng 0/2010 đảm bảo yêu cầu về chất lượng, chi phí và vượt trước

tiến độ dự kiến một tháng.

Ngày 27/4/2012, ĐHĐCĐ đã quyết nghị tạm dừng thi công NMTĐ Đa Krông 1 để tránh khó khăn ảnh hưởng tiêu cực bởi khủng hoảng tiền tệ và lạm phát. Từ khi được động thổ vào tháng 11/2009 đến thời điểm này, Công ty đã thực hiện công tác đền bù, giải tỏa mặt bằng, rà phá và xử lý bom mìn, thi công các hạng mục đường và cầu qua sông, đập dâng, lưới điện thi công...

Ngày 21/09/2012, Công ty thực hiện thành công dự án CDM cho NMTĐ Đăk Pône và bắt đầu có doanh thu từ bán chỉ tiêu giảm phát thải CERs của NMTĐ Đăk Pône.

Ngày 10/10/2014, Công ty đã khởi động lại dự án NMTĐ Đa Krông 1 sau khi đã thu xếp được vốn cho dự án và được sự thống nhất của ĐHĐCĐ. Giai đoạn này, tình hình kinh tế trong nước đã hồi phục, giá cả vật tư đã ổn định nên hiệu quả tài chính của dự án được cải thiện tích cực. Dự án NMTĐ Đa Krông 1 dự kiến sẽ hoàn thành, đưa vào vận hành thương mại vào tháng 04/2017.

Ngày 09/05/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Ngày 28/12/2010, Công ty được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu.

Ngày 13/07/2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định số 426/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3.

Ngày 5/8/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM.

Qua 16 tháng đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM, Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được đánh giá tuân thủ tốt nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400599162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 02/11/2015 với mức vốn điều lệ theo vốn góp thực tế là 291.467.070.000 đồng.

Thành tựu đạt được:

Sau hơn 8 năm thành lập, với quyết tâm và nỗ lực rất cao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã chủ động khắc phục rất nhiều khó khăn, triển khai đồng loạt các biện pháp tổ chức, quản lý, động viên nhân viên... nên hiệu quả công việc đã được tăng cường và đạt được kết quả như sau:

Về công tác sản xuất kinh doanh: Công ty đã luôn làm tốt công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về lĩnh vực môi trường trong hoạt động SXKD điện năng, thực hiện các biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Nhờ đó, Công ty đã tận dụng được tối đa nguồn nước để phát điện, không xảy ra tình trạng hư hỏng thiết bị, nâng cao giá bán điện bình quân, làm cho hiệu quả kinh doanh NMTĐ Đăk Pône luôn tăng đều qua các năm, liên tục đạt hiệu quả kinh tế cao hơn mong đợi so với dự tính trong Dự án đầu tư xây dựng công trình, đã giảm thời gian lỗ theo kế hoạch gần 5 năm. Bên cạnh doanh thu bán điện, Công ty thực hiện thành công cơ chế phát triển sạch CDM cho NMTĐ Đăk Pône, nhờ đó bắt đầu từ năm 2012, Công ty được bổ sung nguồn doanh thu bán CERs. Hiện nay, Công ty được Tổ chức thẩm định quốc tế Deloitte Tohmatsu Evaluation & certification Organization/Nhật thẩm định, đánh giá và Tổ chức quốc tế về dịch vụ thông tin tài chính (Financial Information Services) phê duyệt đủ điều kiện và được đăng ký “Tiêu chuẩn vàng” cho sản phẩm CERs của thủy điện Đăk Pône, mở ra cơ hội nâng cao giá trị trên thị trường CERs của Châu Âu, góp phần tăng doanh thu cho Công ty trong thời gian tới.

Về công tác đầu tư xây dựng: Công ty luôn tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản, tăng cường cải tiến cách thức điều hành, tổ chức quản lý rủi ro trong tất cả các khâu đầu tư xây dựng. Công ty đã nghiên cứu và ứng dụng phương pháp PERT (Program Evaluation and Review Technique) vào quản lý tiến độ, tăng cường phòng ngừa rủi ro, tăng độ tin cậy trong hoạch định và quản lý tiến độ công trình, thực hiện giám sát bằng hình ảnh đã góp phần nâng cao hiệu quả QLDA của dự án đầu tư xây dựng. Nhờ đó, các dự án đầu tư của Công ty được quản lý chặt chẽ, đảm bảo các yêu cầu về Chất lượng - Chi phí - Tiến độ - An toàn lao động theo yêu cầu của Nhà nước và ĐHQĐ.

Về quản trị công ty: Công ty đã tổ chức thực hiện thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để phù hợp các quy định mới của Nhà nước về xây dựng cơ bản và sản xuất điện năng và tình hình thực tế triển khai công việc tại đơn vị. Công ty đã hình thành hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy trình ISO và xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm thường xuyên nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc cho lực lượng quản lý và lao động.

Công tác quản trị đã có nhiều cải tiến về chiều sâu, tiếp tục được củng cố thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiêu chuẩn Kaizen 5S, thực thi văn hóa doanh nghiệp, góp phần giúp Công ty đạt được thành công trong công tác, cải thiện đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên và xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

Công ty luôn chú trọng khuyến khích và đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật và giải pháp hợp lý hóa trong quản lý, điều hành. Trong những năm qua, Công ty luôn có sáng kiến được EVNCPD công nhận, có nhiều giải pháp hợp lý hóa trong hoạt động tác nghiệp được thực hiện phát huy tác dụng, góp phần nâng cao chất lượng quản lý đầu tư xây dựng, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng giá bán điện bình quân.

Công ty đã xây dựng được môi trường làm việc cạnh tranh, dân chủ và công bằng, tạo điều kiện cho mọi cá nhân phát huy tính sáng tạo và có động lực phát triển năng lực bản thân, đóng góp vào thành công của Công ty. Người lao động của Công ty đoàn kết, nỗ lực vì mục tiêu xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh. Tất cả cán bộ công nhân viên được đóng bảo hiểm (xã hội, y tế, thất nghiệp) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động đúng Điều lệ, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Công ty.

Trong những năm qua, Công ty và nhiều tập thể cá nhân trong đơn vị được Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, EVNCPD tặng nhiều bằng khen, giấy khen và công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên của Công ty cũng được cấp trên khen thưởng, tặng bằng khen và nhiều giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc.

Một số hình ảnh công trình dự án mà Công ty đang triển khai đối với NMTĐ Đa Krông 1:



Toàn cảnh Đập dâng – Đập tràn công trình thủy điện Đa Krông 1 đang được hoàn thiện



Nhà thầu đang thi công đường hầm áp lực công trình thủy điện Đa Krông 1



Nhà thầu đang thi công Nhà máy - kênh xả công trình thủy điện Đa Krông 1

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Tổng hợp quá trình tăng vốn từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần đến nay:

Bảng 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành (ngày)	Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 đồng)	Hình thức phát hành
1	28/02/2008	86.422.830	86.422.830	Góp vốn thành lập
2	31/07/2009	23.224.190	109.647.020	Chào bán chứng khoán ra công chúng
3	30/11/2009	7.401.710	117.048.730	
4	22/01/2011	56.965.990	174.014.720	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ
5	Đợt 1: 30/06/2011	27.901.350	201.916.070	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
	Đợt 2: 10/02/2012			
6	05/12/2012	20.725.000	222.641.070	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
7	30/11/2013	20.826.000	243.467.070	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
8	26/08/2014	28.000.000	271.467.070	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
9	16/06/2015	20.000.000	291.467.070	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Chi tiết các đợt tăng vốn:**⇒ Đợt 1 - Huy động vốn thành lập Công ty: 86.422.830.000 đồng**

- Cơ sở pháp lý : Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập Công ty ngày 21/12/2007
- Số lượng phát hành : 8.642.283 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Hình thức phát hành : Góp vốn thành lập
- Hình thức góp vốn : Bằng tiền
- Mục đích phát hành : Huy động vốn thành lập công ty

⇒ Đợt 2 - Tăng vốn thực góp từ 86.422.830.000 đồng lên 109.647.020.000 đồng

- Cơ sở pháp lý : Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 số: 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2009
- Số lượng phát hành : 2.322.419 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần

- Hình thức phát hành : Chào bán chứng khoán ra công chúng
 - Hình thức góp vốn : Bằng tiền
 - Mục đích phát hành : Thực hiện đầu tư 03 công trình thủy điện: Đăk Pônê, Đa Krông 1, Sông Tranh 5 theo phương án sử dụng vốn đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
 - : năm 2009 thông qua
- ⇒ **Đợt 3 - Tăng vốn thực góp từ 109.647.020.000 đồng lên 117.048.730.000 đồng**
- Cơ sở pháp lý : Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 số: 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2009
 - Số lượng phát hành : 740.171 cổ phần
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
 - Hình thức phát hành : Chào bán chứng khoán ra công chúng
 - Hình thức góp vốn : Bằng tiền
 - Mục đích phát hành : Thực hiện đầu tư 03 công trình thủy điện: Đăk Pônê, Đa Krông 1, Sông Tranh 5 theo phương án sử dụng vốn đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
 - : năm 2009 thông qua
- ⇒ **Đợt 4 - Tăng vốn thực góp từ 117.048.730.000 đồng lên 174.014.720.000 đồng**
- Cơ sở pháp lý :
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 của Công ty số: 16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2009;
 - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 682/UBCK - GCN ngày 24/9/2010 của UBCKNN;
 - Quyết định số 995/QĐ-UBCK ngày 30/11/2010 của UBCKNN về việc chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng;
 - Báo cáo kết quả chào bán ra công chúng số 67/CV-PC3I-5 ngày 28/01/2011 của Công ty.
 - Số lượng phát hành : 5.696.599 cổ phần (*Trong đó: phát hành ra công chúng: 3.425.195 cổ phiếu và phát hành riêng lẻ 2.264.869 cổ phiếu*)
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
 - Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng
 - : lẻ cho 8 cổ đông (1 cổ đông sáng lập, 7 cán bộ công nhân viên Công ty)

- Hình thức góp vốn : Bằng tiền
- Mục đích phát hành : Thực hiện đầu tư 03 công trình thủy điện: Đắk Pône, Đa Krông 1, Sông Tranh 5 theo phương án sử dụng vốn đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua

⇒ **Đợt 5 - Tăng vốn thực góp từ 174.014.720.000 đồng lên 201.916.070.000 đồng**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 số: 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2011;
- Văn bản số 1425/UBCK-QLPH ngày 19/05/2011 của UBCKNN về nhận đầy đủ hồ sơ chào bán cổ phần riêng lẻ;
- Văn bản số 86/CV-PC3I-5 ngày 20/02/2012 của Công ty về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Cơ sở pháp lý :
 - Số lượng phát hành : 2.790.135 cổ phiếu
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
 - Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ cho 02 cổ đông
 - Hình thức góp vốn : Bằng tiền
- Mục đích phát hành : Thanh toán khối lượng XDCEB đầu tư 02 công trình thủy điện: Đắk Pône, Đa Krông 1 theo phương án sử dụng vốn đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua

Rút kinh nghiệm từ kết quả huy động vốn năm 2009-2010 không đạt như mong muốn, từ năm 2011 đến năm 2015, Công ty chỉ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để đảm bảo vốn thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng các NMTĐ đang triển khai thi công (Đắk Pône, Đa Krông 1) mà chưa huy động vốn để triển khai dự án Sông Tranh 5. Sau khi NMTĐ Đa Krông 1 kết thúc đầu tư xây dựng, Công ty tiếp tục nghiên cứu dự án Sông Tranh 5 để đầu tư vào thời điểm thích hợp.

⇒ **Đợt 6 - Tăng vốn thực góp từ 201.916.070.000 đồng lên 222.641.070.000 đồng**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012 số: 16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2012;
- Văn bản số 1957/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của UBCKNN về nhận đầy đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
- Văn bản số 711/CV-PC3I-5 ngày 6/12/2012 của Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Cơ sở pháp lý :
 - Số lượng phát hành : 2.072.500 cổ phiếu
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
 - Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ cho 02 cổ đông
 - Hình thức góp vốn : Bằng tiền

- Mục đích phát hành : Thanh toán khối lượng XDCCB đầu tư 02 công trình thủy điện: Đăk Pône, Đa Krông 1 theo phương án sử dụng vốn đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường : niên năm 2012 thông qua

⇒ **Đợt 7 - Tăng vốn thực góp từ 222.641.070.000 đồng lên 243.467.070.000 đồng**

- Cơ sở pháp lý :
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013 số: 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013;
 - Văn bản số 3079/UBCK-QLPH ngày 24/06/2013 của UBCKNN về nhận đầy đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - Văn bản số 726/CV-PC3I-5 ngày 09/12/2013 của Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Số lượng phát hành : 2.082.600 cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ cho 02 cổ đông
- Hình thức góp vốn : Bằng tiền
- Mục đích phát hành : Thanh toán khối lượng XDCCB đầu tư 02 công trình thủy điện: Đăk Pône, Đa Krông 1 theo phương án sử dụng vốn đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường : niên năm 2013 thông qua

⇒ **Đợt 8 - Tăng vốn thực góp từ 243.467.070.000 đồng lên 271.467.070.000 đồng**

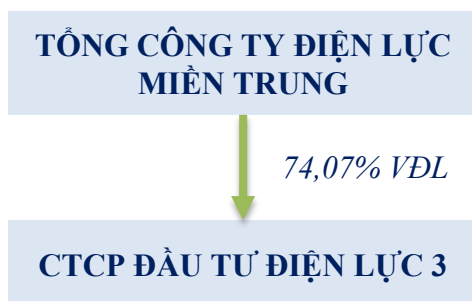
- Cơ sở pháp lý :
 - Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2014 số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/6/2014;
 - Văn bản số 3568/UBCK-QLPH ngày 17/6/2014 của UBCKNN về nhận đầy đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - Văn bản số 579/CV-PC3I-5 ngày 07/6/2014 của Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Số lượng phát hành : 2.800.000 cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ cho 02 cổ đông
- Hình thức góp vốn : Bằng tiền

- Mục đích phát hành : Thanh toán khối lượng XDCCB đầu tư 02 công trình thủy điện: Đăk Pône, Đa Krông 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014

⇒ **Đợt 9 - Phát hành tăng vốn từ 271.467.070.000 đồng lên 291.467.070.000 đồng**

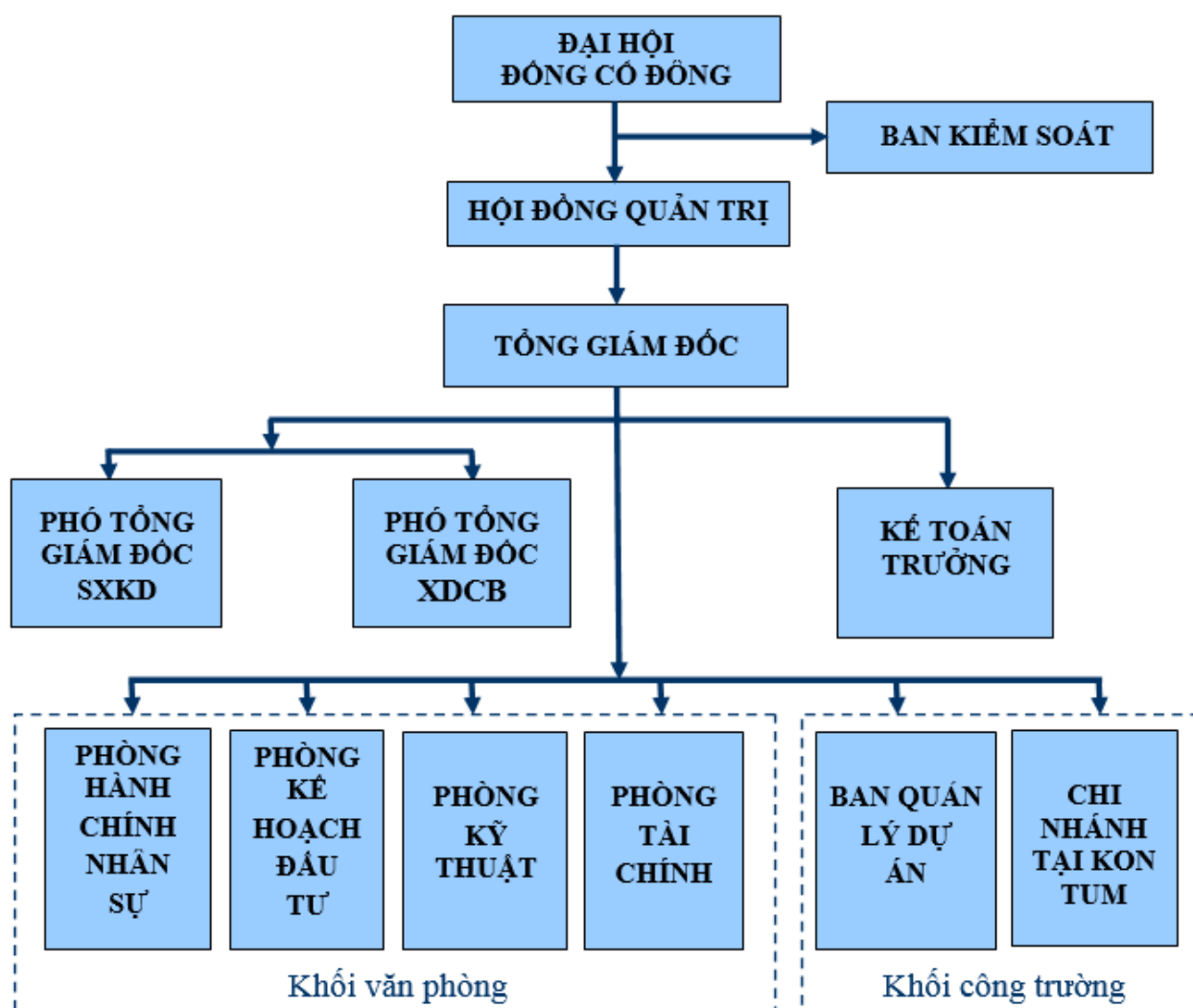
- Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2015 số 31/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2015;
- Văn bản số 2543/UBCK-QLPH ngày 21/5/2015 của UBCKNN về nhận đầy đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
- Cơ sở pháp lý : - Văn bản số 730/CV-PC3I-5 ngày 18/6/2015 của Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
- Thông báo số 3855/UBCK-QLPH ngày 26/6/2015 của UBCKNN về việc đã nhận đủ Báo cáo kết quả phát hành.
- Số lượng phát hành : 2.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ cho 02 cổ đông
- Hình thức góp vốn : Bằng tiền
- Mục đích phát hành : Thanh toán khối lượng XDCCB đầu tư 02 công trình thủy điện: Đăk Pône, Đa Krông 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015

2. Cơ cấu tổ chức công ty:



Tại thời điểm báo cáo, EVNCPC là công ty mẹ của Công ty (tỷ lệ sở hữu 74,07% vốn điều lệ Công ty)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ các bộ phận:**Đại hội đồng cổ đông:**

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Tổng Giám đốc

- Là người đại diện theo pháp luật, điều hành toàn diện các hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn theo các quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.
- Ngoài nhiệm vụ phân công cho các Phó Tổng giám đốc, Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành một số lĩnh vực trọng yếu, gồm các công tác: Tổ chức, lao động, tiền lương; Kế hoạch; Hoạt động đầu tư - tài chính; Kinh doanh; Đối ngoại; Đấu thầu; Pháp chế; Thi đua (khen thưởng, kỷ luật); Tuyên truyền và Văn hóa doanh nghiệp.
- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các phòng: Hành chính - Nhân sự (P1), Kế hoạch - Đầu tư (P2), Tài chính (P5).
- Trực tiếp làm Chủ tịch các Hội đồng: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng nâng bậc lương, Hội đồng thi nâng ngạch, Hội đồng thanh xử lý tài sản, Hội đồng kiểm kê đánh giá lại tài sản cố định, Chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc chủ trì Hội đồng nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình (theo phân cấp của Hội đồng quản trị); Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Các phó Tổng Giám đốc: Gồm 02 Phó tổng giám đốc:**• Phó Tổng Giám đốc XD/CB:**

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng của Công ty, chủ trì các công việc chính như sau:
 - + Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Công tác môi trường của các dự án đầu tư.
 - + Thẩm định hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng (DADTXD), Thiết kế (TK), Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (TKBVTC-DT) các hạng mục công trình/công trình do Công ty đầu tư xây dựng (kể cả các thiết kế, dự toán phát sinh); ký duyệt bản vẽ TKBVTC các hạng mục công trình/công trình.
 - + Các công việc trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng bao gồm nhưng không hạn chế những công việc sau: quản lý đầu tư xây dựng công trình (về chất lượng, tiến độ, chi phí, an toàn lao động, môi trường); giám sát thi công xây dựng - lắp đặt; nghiệm thu công trình xây dựng; xử lý sự cố trong thi công xây dựng, thanh toán - quyết toán công trình xây dựng và các công việc khác có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng nêu tại bộ quy trình ISO của Công ty.
 - + Làm Tổ trưởng tổ thẩm định hồ sơ TK, TKBVTC-DT các hạng mục công trình xây dựng; Tổ trưởng Tổ chuyên gia đấu thầu xây lắp, Tổ trưởng Tổ thẩm định kết quả đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị, đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng Giám đốc.
 - + Làm Trưởng tiểu ban nghiệm thu kỹ thuật, trực tiếp nghiệm thu chạy thử liên động không tải/có tải các hệ thống thiết bị cơ - điện của các công trình mà Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc chủ trì nghiệm thu đưa vào sử dụng.
 - + Chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Ban QLDA tại công trường đảm bảo yêu cầu an ninh trật tự và các quy định của Nhà nước và Công ty; Thay mặt Công ty để làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động xây dựng công trình.
 - + Chủ trì các hoạt động của Tư vấn trong và ngoài nước liên quan đến công tác đầu tư xây dựng công trình.

- Được phân công giữ các cương vị sau:
 - + Chủ tịch Hội đồng sáng kiến, nghiên cứu ứng dụng khoa học – kỹ thuật.
 - + Đại diện Lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng (QMR); Chỉ đạo công tác xây dựng, thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong toàn Công ty.
 - + Phó trưởng Ban phòng chống bão lụt, phòng chống cháy nổ, An toàn - Vệ sinh - Lao động, Bảo hộ lao động của Công ty (phụ trách địa bàn xây dựng công trình và trụ sở Công ty).
 - + Tổ trưởng Tổ cộng tác viên của Bản tin Điện lực Miền Trung; chịu trách nhiệm đơn đốc, soát xét tin, bài đăng trên trang web Công ty và Bản tin Điện lực Miền Trung đảm bảo chất lượng, số lượng và tiến độ.
 - + Tham gia một số hội đồng hoặc tổ công tác khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
- Phụ trách chức danh Trưởng Phòng Kỹ thuật (P4), toàn quyền điều hành hoạt động của P4 theo chức năng nhiệm vụ, phù hợp với định hướng và kế hoạch chung của Công ty; Trực tiếp chỉ đạo Ban Quản lý Dự án.
- Thay mặt Tổng Giám đốc điều hành hoạt động thường nhật của Công ty khi Tổng Giám đốc đi vắng hoặc khi được Tổng Giám đốc ủy quyền.
- Các công tác khác khi được Tổng Giám đốc phân công.
- **Phó tổng giám đốc SXKD**
 - Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, chủ trì các công việc chính như sau:
 - + Công tác chuẩn bị sản xuất, các thủ tục đưa NMTĐ vào vận hành thương mại.
 - + Công tác lập, thẩm định và phê duyệt các quy trình vận hành NMTĐ, các chỉ tiêu, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn đốc kiểm tra thực hiện nghiêm chỉnh các qui trình, qui phạm trong vận hành sản xuất.
 - + Tổ chức lập, soát xét, tham mưu cho Tổng Giám đốc về kế hoạch sản xuất, kinh doanh điện năng hàng năm và chiến lược dài hạn cho Công ty; Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh điện năng được giao.

- + Tổ chức lập, soát xét, tham mưu cho Tổng Giám đốc về kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thiết bị các nhà máy thủy điện; Tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng được giao; Tổ chức thực hiện, nghiệm thu các công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các NMTĐ theo quy định Nhà nước và bộ quy trình ISO của Công ty.
- + Công tác CDM của các NMTĐ.
- + Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động sản xuất của các NMTĐ.
- + Chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Chi Nhánh tại Kon Tum đảm bảo yêu cầu an ninh trật tự và các quy định của Nhà nước và Công ty; Thay mặt Công ty để làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất.
- + Công tác đào tạo bồi dưỡng nghề, huấn luyện kỹ thuật nghiệp vụ và thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật của Công ty.
- + Công tác ứng dụng khoa học – công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Được phân công giữ các cương vị sau:
 - + Trưởng ban An toàn - Vệ sinh - Lao động, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ, Phòng chống lụt bão của Công ty.
 - + Chủ tịch Hội đồng thi nâng bậc cho công nhân.
 - + Tổ trưởng tổ thẩm định kết quả đấu thầu các gói thầu xây lắp, Tổ trưởng Tổ chuyên gia đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị, đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng Giám đốc; Tổ trưởng Tổ thẩm định kết quả kiểm toán các hạng mục công trình xây dựng; Tham gia Tổ thẩm định hồ sơ TK, TKBVTC-DT các hạng mục công trình xây dựng.
 - + Phó chủ tịch Hội đồng sáng kiến, nghiên cứu ứng dụng khoa học – kỹ thuật, tham gia một số hội đồng hoặc tổ công tác khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo công tác vật tư trong Công ty, tổ chức thực hiện công tác thông quan, giao nhận hàng hóa, kê khai các loại thuế liên quan đến nhập khẩu hàng hóa; Kiêm nhiệm làm Trưởng Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P2), toàn quyền điều hành hoạt động của P2 theo chức năng

nhiệm vụ, phù hợp với định hướng và kế hoạch chung của Công ty; Trực tiếp chỉ đạo Chi nhánh Kon Tum.

- Thay mặt Tổng Giám đốc điều hành hoạt động thường nhật của Công ty khi Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc XDCB đi vắng hoặc khi được Tổng Giám đốc ủy quyền.
- Các công tác khác khi được Tổng Giám đốc phân công.

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc để quản lý sử dụng các nguồn vốn của Công ty hợp lý, có hiệu quả, đúng mục đích, đúng pháp luật nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật, các quy định quản lý của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, EVNCPC và của Công ty liên quan đến lịch vực tài chính kế toán và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Khối văn phòng

Phòng Hành chính - Nhân sự: Tổ chức quản trị nhân sự, lao động tiền lương, hành chính, quảng bá thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp, pháp chế, tổ chức thực hiện công tác đền bù tái định cư - môi trường, công tác y tế, thi đua khen thưởng, thanh tra bảo vệ.

Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đầu tư và SXKD, quản lý chung tình hình SXKD, công tác đấu thầu, hợp đồng và mua sắm vật tư thiết bị cho dự án, quản lý vật tư thiết bị trong quá trình đầu tư và SXKD.

Phòng Kỹ thuật: Quản lý đầu tư xây dựng, quản lý công tác sáng kiến, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác đấu thầu xây lắp, công tác thẩm tra thẩm định các thủ tục đầu tư xây dựng.

Phòng Tài chính: Tổ chức thực hiện công tác tài chính - kế toán, thanh quyết toán công trình, quản lý cổ đông.

Khối công trường

Ban Quản lý Dự án: Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng công trình do Công ty làm chủ đầu tư.

Chi nhánh KonTum: Quản lý vận hành NMTĐ Đăk Pône.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty****Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5 % được chốt ngày 18/10/2016**

TT	Tên	Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	0400101394	78A Duy Tân, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	21.590.000	215.900.000.000	74,07%
2	Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	0301412222	170 Hai Bà Trưng, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	1.505.700	15.057.000.000	5,17%
Tổng cộng				23.095.700	230.957.000.000	79,24%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 18/10/2016 do VSD cấp

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 cấp lần đầu ngày 02/01/2008. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến nay thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông**Bảng 3: Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/10/2016**

Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
Cổ đông trong nước	5.561	29.146.707	100,00%
<i>Tổ chức</i>	9	24.986.316	85,73%
<i>Cá nhân</i>	5.552	4.160.391	14,27%
Cổ đông nước ngoài	-	-	-
<i>Tổ chức</i>	-	-	-
<i>Cá nhân</i>	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng	5.561	29.146.707	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của công ty chốt ngày 18/10/2016 do VSD cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ của tổ chức niêm yết

Tên Công ty	:	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG
Địa chỉ	:	78A Duy Tân, TP Đà Nẵng
Điện thoại	:	0511.2221028
Fax	:	0511.3625071
Giấy đăng ký doanh nghiệp	:	0400101394 ngày cấp 06/05/2014
Vốn điều lệ đăng ký	:	7.467.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	7.467.000.000.000 đồng
Ngành nghề	:	Công nghiệp điện năng: Sản xuất điện năng; Đầu tư và quản lý vận hành công trình lưới điện đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh điện năng
Vốn góp tại Công ty	:	215.900.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp tại Công ty	:	74,07%

5.2. Công ty con của tổ chức niêm yết:

Không có

5.2. Công ty mà tổ chức niêm yết nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

(Thông tin nêu tại mục 5.1)

6. Hoạt động kinh doanh**6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm****▪ Sản phẩm/Dịch vụ chính của Công ty**

Hiện nay, Công ty đang vận hành khai thác và sản xuất kinh doanh điện năng NMTĐ Đắk Pône, với những thông tin chung về nhà máy như sau:

- Địa điểm xây dựng: Xã Măng Cành và Xã Đắk Long, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum
- Cấp công trình: Cấp III
- Các thông số chính của nhà máy:
 - + Lưu lượng tính toán (Q_{tt}) : 7,44m³/s
 - + Cột nước tính toán (H_{tt}) : 228,5 m
 - + Công suất lắp máy (N_{lm}) : 14 MW
 - + Công suất đảm bảo : 3,54 MW
 - + Số tổ máy : 02 tổ máy
 - + Điện lượng trung bình hàng năm : 62,89 x 10⁶kwh
 - + Thiết bị nhà máy:
 - » Kiểu nhà máy: Kiểu hồ; Loại tuabin: Pelton trục đứng; Cao trình sàn lắp máy: 797,58m; Cao trình sàn tuabin: 791,58m; Cao trình ray cầu trục: 805,58m
 - » Thiết bị:
 - Thiết bị cơ khí thủy lực: Tuabin thủy lực: 02 bộ; Máy điều tốc: 02 bộ; Van cầu: 02 bộ; Ống phân phối: 02 bộ; Các chi tiết đặt sẵn và phụ kiện.
 - Hệ thống thiết bị phụ trợ, máy phát và hệ thống điện.
- Giá trị quyết toán sau thuế giá trị gia tăng: 269,202 tỷ đồng
- Ngày chính thức vận hành: 01/06/2010
- Thời gian sử dụng công trình: 30 năm
- Số lượng công nhân vận hành nhà máy: 19 người.
- Đơn vị mua điện: EVNCPC

Từ khi NMTĐ Đắk Pône chính thức đưa vào vận hành thương mại (6/2010) đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ NMTĐ Đắk Pône liên tục đạt hiệu quả kinh tế cao hơn mong đợi so

với dự tính trong Dự án đầu tư xây dựng công trình, đã giảm thời gian lỗ theo kế hoạch gần 5 năm; lũy kế đến năm 2015, tổng doanh thu đạt 304,04 tỷ đồng, tổng lợi nhuận là 63,09 tỷ đồng, vượt dự kiến là 50,47 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 59,96 tỷ đồng.



Vận hành Nhà máy thủy điện Đăk Pône

Bên cạnh đó, hiện nay, Công ty đang đầu tư xây dựng NMTĐ Đa Krông 1 với thông tin về nhà máy như sau:

- Địa điểm xây dựng: Xã Húc Nghi, huyện Đa Krông, tỉnh Quảng Trị
- Loại, cấp công trình: loại công trình năng lượng, cấp III
- Các thông số chính của Nhà máy:
 - + Lưu lượng lớn nhất (Q_{\max}) : 34,52 m³/s
 - + Lưu lượng đảm bảo ($Q_{\text{đb}}$) : 5,15 m³/s
 - + Cột nước tính toán (H_{tt}) : 41,30 m
 - + Công suất lắp máy (N_{lm}) : 12 MW
 - + Công suất đảm bảo ($N_{\text{đb}}$) : 1,91 MW
 - + Điện lượng trung bình hằng năm (E_0): 45,80 x 10⁶kwh/ năm
 - + Số giờ sử dụng công suất lắp máy : 3.814 giờ
- Các thông số chính của công trình:
 - + Mức nước dâng bình thường : 181,00 m
 - + Mức nước chết : 177,00m
 - + Mức nước dâng gia cường : 186,47m

- + Dung tích toàn bộ hồ : 0,629 x 10⁶ m³
- + Dung tích hữu ích : 0,359 x 10⁶ m³
- + Dung tích chết : 0,270 x 10⁶ m³
- + Lưu lượng lũ thiết kế : 3.914,00 m³/s
- + Lưu lượng lũ kiểm tra : 5.296,00 m³/s
- + Cao trình ngưỡng tràn cửa van : 169,00 m
- + Cao trình mực nước hạ lưu nhỏ nhất: 129,16 m
- + Thiết bị: Tuabin loại Fransice trục ngang, công suất tuabin: 6,25 MW; Máy phát loại đồng bộ 3 pha, trục ngang, công suất 6 MW, điện áp 6,3 kV, tần số 50 Hz; hệ thống thiết bị phụ.
- Tổng mức đầu tư sau thuế giá trị gia tăng : 356,071 tỷ đồng
- Đơn vị mua điện : EVNCPC
- Thời gian dự kiến đưa vào vận hành : tháng 4/2017



Toàn cảnh Nhà máy thủy điện Đa Krông 1

Bảng 4: Sản lượng điện của Công ty qua các năm:

Các chỉ tiêu	ĐVT	2014		2015		9 tháng đầu 2016	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Sản lượng điện sản xuất	triệu Kwh	62,90	60,36	60,00	57,21	32,36	29,23
Sản lượng điện thương phẩm	triệu Kwh	62,90	60,36	60,00	57,21	32,36	29,23
Doanh thu bán điện	Triệu đồng	49,66	49,61	56,08	60,29	34,44	31,56

- **Hiệu quả hoạt động kinh doanh:**

Cơ cấu doanh thu thuần

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1. DTT từ hoạt động kinh doanh điện thương phẩm	49.615	100,00%	60.294	98,10%	31.556	100,00%
2. DTT khác	-	-	1.156	1,90%	-	-
Doanh thu thuần	49.615	100,00%	61.450	100,00%	31.556	100,00%

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động kinh doanh điện thương phẩm. Trong năm 2015, Công ty nói riêng và các doanh nghiệp thủy điện trên cả nước nói chung đều đối mặt với khó khăn chung là ảnh hưởng nặng nề của hiện tượng El Nino. Tuy vậy, Công ty đã làm tốt công tác bảo trì NMTĐ Đăk Pône, đã thực hiện các biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tích nước phù hợp để phát điện trong giờ cao điểm. Nhờ đó, Công ty đã tận dụng được tối đa nguồn nước để phát điện, không xảy ra tình trạng hư hỏng thiết bị, nâng cao giá bán điện bình quân bù đắp lại phần sụt giảm về sản lượng điện.

Năm 2015, tình hình hạn hán nặng hơn năm 2014 nên sản lượng điện phát năm 2015 (57,21 GWh) giảm 5,22% so với năm 2014 (60,00 GWh), nhưng nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp như đã nêu trên nên giá bán điện năm 2015 tăng 28,22% so với giá bán điện năm 2014, đó là lý do chính để doanh thu thuần hoạt động bán điện của Công ty đạt hơn 60,29 tỷ đồng, tăng 21,52% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngoài ra, trong cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 có phát sinh 1,156 tỷ đồng doanh thu khác là khoản mục phát sinh từ thu hộ chi hộ nhà thầu về nguyên vật liệu thi công NMTĐ Đa Krông 1.

Năm 2016 tiếp tục là một năm rất khô hạn nặng nề bởi hiện tượng El Nino nên sản lượng điện giảm nhiều so với thiết kế và kế hoạch năm. Lũy kế 3 quý đầu năm 2016, sản lượng điện thương phẩm là 29,23 GWh, đạt 90,34% so với kế hoạch 9 tháng đầu năm 2016 và đạt 53,41% của cả năm 2016, nên mặc dù rất tích cực thực hiện nhiều biện pháp kỹ thuật để tăng giá bán điện nhưng doanh thu

bán điện cũng chỉ đạt 31,56 tỷ đồng, tương đương 91,63% so với kế hoạch 9 tháng đầu năm 2016 và tương đương 55,89% của cả năm 2016.

- **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT: triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1. LNG từ hoạt động kinh doanh điện thương phẩm	27.779	56,00%	34.456	56,07%	18.471	58,53%
2. LNG khác	-	-	-	-		
Lợi nhuận gộp	27.779	56,00%	34.456	56,07%	18.471	58,53%

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Với chủ trương kiểm soát, quản lý chặt chẽ các chi phí hoạt động đặc biệt là các yếu tố cấu thành giá vốn hàng bán của Công ty, Công ty luôn duy trì biên lợi nhuận gộp từ hoạt động SXKD điện thương phẩm ổn định ở mức 56-58% doanh thu thuần. Trong năm 2015, mức tăng trưởng doanh thu thuần cao hơn so với mức tăng của giá trị giá vốn hàng bán đã giúp giá trị lợi nhuận gộp của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ (mức tăng đạt 24,03%). Trong năm 2016, lũy kế đến cuối quý III/2016, giá trị lợi nhuận gộp của Công ty đạt 18,47 tỷ đồng.

6.2. Nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động SXKD chính của Công ty là Nguồn nước tự nhiên.

Về sự ổn định của lượng nước: NMTĐ Đắk Pône là dạng NMTĐ quy mô vừa, không có hồ chứa điều tiết nước, năng lực sản xuất điện của nhà máy phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước tự nhiên lấy từ suối Đắk Pône. Với đặc điểm đó, sản lượng điện của nhà máy phụ thuộc vào nhiều vào thời tiết.

Về sự ảnh hưởng của yếu tố giá cả: Do nguyên vật liệu chính và chiếm tỷ trọng lớn là nguồn nước tự nhiên nên kết quả hoạt động SXKD chính của Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố giá cả.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí hoạt động SXKD

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014		2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	21.836	44,01%	26.994	43,93%	13.085	41,47%
Chi phí tài chính	7.364	14,84%	3.836	6,24%	2.295	7,27%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>6.856</i>	<i>13,82%</i>	<i>3.836</i>	<i>6,24%</i>	<i>2.194</i>	<i>6,95%</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.757	11,60%	5.522	8,99%	2.349	7,44%
Tổng cộng	34.957	70,46%	36.352	59,16%	17.729	56,18%

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Giá vốn hàng bán là chi phí lớn nhất trong tổng giá trị chi phí hoạt động của Công ty. Trong cơ cấu doanh thu thuần, giá vốn hàng bán chiếm 42-44%. Trong năm 2015, giá vốn hàng bán là gần 27 tỷ đồng, tăng 23,62% so với giá trị đạt được năm 2014.

Chi phí tài chính của Công ty giảm dần qua thời gian do nợ gốc vay được Công ty trả đầy đủ, đúng hạn hoặc sớm hơn thời hạn của lịch trả nợ với Ngân hàng. Từ thời điểm bắt đầu trả nợ gốc (ngày 25/06/2010) cho đến ngày 30/09/2016, Công ty đã trả được 107,98 tỷ đồng và chỉ còn 29,43 tỷ đồng nợ gốc vay vốn đầu tư NMTĐ Đăk Pône. Việc giảm nợ gốc vay là lý do chính giúp chi phí tài chính năm 2015 giảm so với năm 2014. Ngoài ra, trong năm 2015 không còn phải trích chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động XDCB như năm 2014 do đến cuối năm 2014, Công ty đã trích hết chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng NMTĐ Đăk Pône.

Các khoản mục chi phí khác phát sinh không đáng kể.

6.4. Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị công trình NMTĐ do Công ty đầu tư được cung cấp bởi các nhà chế tạo thiết bị chuyên dụng lớn có uy tín. Máy móc thiết bị của NMTĐ Đăk Pône được cung cấp bởi tập đoàn Dongfang Electric Corporation (DEC) - Trung Quốc, sau gần 6 năm vận hành, nhà máy chưa gặp bất kỳ sự cố nào. Với máy móc thiết bị của NMTĐ Đa Krông 1, được sản xuất và cung cấp bởi Công ty B Fouress Private Limited (BFL) - Ấn Độ, chất lượng sẽ được đảm bảo cho quá trình vận hành nhà máy.

Bảng 8: Các máy móc thiết bị Công ty đang trang bị cho công trình

Công trình	Đăk Pône	Đa Krông 1
Thông số kỹ thuật		
Công suất lắp máy	14MW	12 MW
Sản lượng điện trung bình năm	62,89 x 10 ⁶ kWh	45,80 x 10 ⁶ kWh
Số tổ máy	2 tổ máy	2 tổ máy
Loại tuabin	Pelton	Francis
Máy phát điện	Đồng bộ 3 pha ; công suất 7 MW, điện áp 6,3 kV; tần số 50Hz	Đồng bộ 3 pha; công suất 6 MW, điện áp 6,3 kV; tần số 50Hz

Chi tiết máy móc thiết bị của Công trình thủy điện Đăk Pône:

▪ **Khu vực hồ A**

- + Hồ A: Diện tích lưu vực 80,5 km², dung tích hồ chứa tương ứng với Mực nước dâng bình thường (Cao trình 1.032,8) 6.880 m³.
- + Đập hồ A: Kết cấu bằng bê tông cốt thép, chiều cao 9,7 m, chiều dài 66,85 m.
- + Kênh dẫn nước: Kết cấu bằng bê tông cốt thép, mặt cắt hình hộp (2 x 2)m, chiều dài kênh 606,0m.
- + Bể áp lực, nhà van: Bể áp lực là nơi tập trung nước từ kênh dẫn, kết cấu bê tông cốt thép, chiều dài x rộng x cao (37 x 4,5 x 6,5) m. Nhà van có kết cấu bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, bố trí lưới chắn rác, cửa sự cố, cửa sửa chữa được nâng hạ bằng pa lăng, tời điện, máy thủy lực.
- + Đường ống áp lực: Kết cấu ống bằng thép, đường ống chính chiều dài 510,81 m có đường kính 1.4 m; Đường ống nhánh chiều dài 8,8 m x 02 ống, đường kính 1,0 m.
- + Nhà máy: Kết cấu nhà máy kiểu hở bằng bê tông cốt thép, đặt hai tổ máy và các hệ thống thiết bị phụ, kênh xả mặt cắt hình thang, nước sau khi phát điện được xả theo kênh về lại sông Đăk Pône.
- + Trạm phân phối điện ngoài trời + tuyến đường dây: Tại trạm phân phối đặt máy biến áp nâng công suất 2 x10 MVA; (6,6/22) kV và các hệ thống thiết bị điện khác. Tuyến đường dây 22 kV tải điện đấu nối với trạm 110 kV huyện Kon PLông có chiều dài 5,81 km (mạch kép - AC185).

- + Đường quản lý vận hành: Tổng chiều dài 7,25 km, bề rộng mặt đường 3,5 m được nối với quốc lộ 24, cấp đường giao thông nông thôn loại A.
- + Nhà quản lý vận hành: Quy mô nhà cấp 4 gồm 01 khu nhà điều hành, 01 khu nhà nghỉ ngơi cho cán bộ công nhân viên, 01 khu nhà ăn.
- **Khu vực hồ B**
- + Hồ B: Cung cấp nước cho hồ A, Diện tích lưu vực 41,5 km², dung tích hồ chứa tương ứng với Mực nước dâng bình thường (Cao trình 1.132,6) 22,750 m³.
- + Đập hồ B: Tích nước bổ sung cho hồ A, kết cấu đập bằng bê tông trọng lực, chiều cao 7,2 m, chiều dài 92,3 m.
- + Hàm dẫn nước: Có nhiệm vụ dẫn nước từ hồ B bổ sung sang hồ A, kết cấu bằng bê tông cốt thép, chiều dài 860 m, kích thước (2,5 x 2,5) m.

Năm 2014, NMTĐ Đắk Pône đã trải qua đợt kiểm tra toàn diện và được đánh giá là NMTĐ Đắk Pône đã thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành; Công ty có đầy đủ quy trình, quy phạm về an toàn điện và quy trình vận hành tất cả các hạng mục công trình và thiết bị; thực hiện kiểm định đập và đăng ký an toàn đập theo quy định; thực hiện công tác quan trắc đập theo Tiêu Chuẩn Xây Dựng Việt Nam 285-2002; báo cáo hiện trạng an toàn đập định kỳ đầy đủ; xây dựng phương án phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn đập và đã được Sở Công thương tỉnh Kon Tum tổ chức thẩm định.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Về công tác đầu tư và khai thác các dự án thủy điện:

Trong thời gian đến, Công ty tiếp tục đầu tư để khai thác các dự án thủy điện sau:

- Trạm thủy điện hồ B - NMTĐ Đắk Pône: Rà soát lại toàn bộ hồ sơ thiết kế, làm việc địa phương, đơn vị tư vấn thiết kế, các tổ chức tài chính để thực hiện các thủ tục xin giấy phép xây dựng, thủ tục thu xếp vốn vay, điều chỉnh thiết kế phần đường dây điện 22kV và chuẩn bị điều kiện để thi công vào năm 2017.
- NMTĐ Đa Krông 1: tích cực quản lý, tổ chức thi công và dự kiến sẽ đưa vào vận hành thương mại vào tháng 4/2017.
- Dự án thủy điện Sông Tranh 5 tại tỉnh Quảng Nam có quy mô lớn (40 MW) đã được Chính Phủ phê duyệt trong Tổng sơ đồ giai đoạn VII tại Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày

21/07/2011, sẽ được Công ty tiếp tục nghiên cứu cần trọng về hiệu quả tài chính và đầu tư khi có cơ hội thuận lợi.

Công tác sáng kiến, hợp lý hóa trong công việc:

Trong công tác hoạt động hàng năm, Công ty luôn tăng cường triển khai phong trào cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong tác nghiệp. Trong năm 2015, Công ty đã có 3 sáng kiến cải tiến được áp dụng, trong đó, có 1 sáng kiến được EVNCPC công nhận; đã có 15 giải pháp hợp lý hóa trong hoạt động tác nghiệp được thực hiện phát huy tác dụng. Việc ứng dụng các sáng kiến hay đã mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng quản lý đầu tư xây dựng, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng giá bán điện bình quân.

Công tác mua bán lượng giảm phát thải:

Với kinh nghiệm từ thực hiện thành công cơ chế phát triển sạch CDM và được các tổ chức quốc tế cho phép đăng ký “Tiêu chuẩn vàng” cho sản phẩm CERs của thủy điện Đắk Pône, Công ty đã và đang tiếp tục triển khai công tác CDM đối với NMTĐ Đa Krông 1 để góp phần tăng thêm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian đến.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng:

- *Đối với hoạt động SXKD chính:* với đặc thù riêng của sản phẩm điện là được sản xuất và tiêu thụ song song với nhau, không có hàng tồn kho. Do đó, công tác kiểm tra chất lượng không thể được thực hiện trên hàng tồn kho, việc kiểm định được thực hiện trực tiếp thông qua Trung tâm điều độ Miền Trung (A3).

- *Đối với công tác quản lý:* Công ty hiện đang quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiêu chuẩn Kaizen 5S để điều hành hoạt động Công ty nên Công tác quản trị Công ty ổn định với chất lượng, hiệu quả công việc cao.

Bộ phận kiểm tra chất lượng: Công ty không thành lập riêng bộ phận chuyên trách để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng. Tuy nhiên, tất cả các phòng ban bộ phận đều thường xuyên kiểm tra tình hình tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng (ISO, KAIZEN) mà Công ty đang áp dụng.

6.7. Hoạt động Marketing:

Với đặc thù chung của ngành cũng như của Công ty, sản xuất điện và bán cho Tổng Công ty Điện

lực Miền Trung - EVNCPC (trước đây là Công ty Điện lực 3). EVNCPC vừa là cổ đông sáng lập vừa là công ty mẹ của Công ty, vì vậy sản lượng điện đầu ra của Công ty được hoàn toàn đảm bảo. Nhưng không vì vậy mà Công ty không ngừng hoàn thiện hình ảnh, uy tín của mình đối với cổ đông, đối tác bằng việc xây dựng và duy trì Văn hóa doanh nghiệp, quy tắc ứng xử văn hóa doanh nghiệp. Nên trong thời gian qua, Công ty đã nhận được sự ủng hộ từ cổ đông, đối tác, các cơ quan chức năng..., góp phần không nhỏ đến việc Công ty hoàn thành tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hệ thống nhãn hiệu EVN đã được đăng ký bảo hộ và thuộc quyền sở hữu trí tuệ của Tập đoàn Điện lực Việt nam.

Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) - nên sử dụng nhãn hiệu theo mẫu của EVNCPC như sau:



Website: <http://www.pc3invest.vn/>

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

Hiện nay, hợp đồng có giá trị lớn nhất của Công ty là hợp đồng ký kết giữa Công ty và Công ty mẹ EVNCPC. Hợp đồng này được ký theo mẫu của Bộ Công thương ban hành tại Quyết định số 18/2008/QĐ-BCT ngày 18/7/2008 và ký một lần trước khi bán điện cho EVNCPC, hợp đồng không thể hiện giá trị giao dịch, chỉ thể hiện các thỏa thuận về giá cả mua bán điện do Công ty sản xuất (do giá bán điện được điều chỉnh hàng năm theo quy định của Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công thương). Giá trị bán điện định kỳ được xác định theo sản lượng điện thương phẩm do Công ty cung cấp nhân (x) với giá bán điện theo Cục Điều tiết Điện lực quy định cho năm tương ứng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014-2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2016
Tổng giá trị tài sản	351.967.371.279	414.620.243.512	17,80%	493.201.281.734
Doanh thu thuần	49.614.553.380	61.449.945.082	23,85%	31.556.760.130
Vốn chủ sở hữu	288.033.797.239	317.088.317.342	10,09%	308.209.420.815
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.561.074.029	26.148.016.242	57,89%	14.355.172.621
Lợi nhuận khác	-95.452.835	250.360.000	-	145.496.938
Lợi nhuận trước thuế	16.465.621.194	26.398.376.242	60,32%	14.500.669.559
Lợi nhuận sau thuế	15.610.819.771	25.002.873.603	60,16%	13.694.798.373
Tỷ lệ LNST trả cổ tức	86,95%	81,60%		
Tỷ lệ LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)	5,42%	8,3%		4,44%

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2015 tăng so với năm 2014 (nhờ giá bán điện tăng mặc dù sản lượng có thấp hơn cùng kỳ năm ngoái) và chi phí tài chính năm 2015 giảm so với năm 2014 (do nợ gốc vay ngân hàng để vay vốn NMTĐ Đăk Pone đã giảm được 14,714 tỷ đồng và trong năm 2015 không còn phải trích chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động XDCB như năm 2014 do đến cuối năm 2014, Công ty đã trích hết chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng NMTĐ Đăk Pone), đây là những lý do chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 tăng 60,16% so với năm 2014.

Chín (9) tháng đầu năm 2016, tình trạng hạn hán nặng nề hơn những năm trước nên doanh thu bán điện giảm nhiều dù giá bán điện có được cải thiện hơn cùng kỳ năm ngoái. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí quản lý và chi phí tài chính giảm (do giảm được 7,36 tỷ đồng nợ gốc vay ngân hàng) nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 9 tháng đầu năm đạt được 13,69 tỷ đồng, tương đương 60,14% của kế hoạch năm 2016.

Hiện nay, hoạt động bán điện của Công ty từ NMTĐ Đăk Pone tại tỉnh Kon Tum được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính (các nội dung ưu đãi thuế này nay đã được thay thế bằng Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính), cụ thể như sau: miễn thuế 4 năm (2010÷2013), thuế suất 5% (= 50% x thuế suất 10%) trong 9 năm tiếp theo (2014÷2022), thuế suất 10% trong 2 năm tiếp theo

(2023÷2025). Các hoạt động kinh còn lại được áp dụng thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành (năm 2015 là 22%, năm 2016 là 20%).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm

• Thuận lợi:

Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cổ đông, đặc biệt là Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Công tác quản trị của Công ty được duy trì ổn định, đạt được sự đồng thuận của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, nhờ có chủ trương đúng đắn của Ban lãnh đạo công ty trong công tác quản lý hoạt động về mọi mặt (quản lý chi phí, quản lý rủi ro...), thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp nên dù bối cảnh chung còn khó khăn, hoạt động của Công ty được đảm bảo ổn định.

• Khó khăn

Đối với hoạt động bán điện: Do hiện tượng El Nino, từ những tháng cuối năm 2014 đến nay, khu vực NMTĐ Đăk Pône khô hạn đặc biệt lượng mưa giảm nhiều so với những năm trước nên sản lượng điện không đạt như mong muốn; Cơ chế điều hành giá bán điện đang còn nhiều bất cập, giá bán điện còn thấp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Giá CERs trên thị trường quá thấp (0,52 EUR/tấn) nên Công ty không có cơ hội tăng doanh thu nhờ bán CERs.

Đối với hoạt động XD/CB: Tại khu vực công trình thủy điện Đa Krông 1, bị sạt lở đất ở mái tháp điều áp và tình hình mưa lũ ở sông Đa Krông thất thường trong tháng 9, 10/2015 đã gây trở ngại cho công tác thi công xây dựng, phát sinh chi phí và thời gian để xử lý.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty ra đời và phát triển trong giai đoạn kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Nhưng với sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo, toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty và đặc biệt là nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ Hội đồng Quản trị và Công ty mẹ là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, trong những năm qua Công ty đã khắc phục được khó khăn và từng bước phát triển vững chắc, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện NMTĐ Đăk Pône tăng đều qua các năm, liên tục đạt hiệu quả kinh tế cao hơn mong đợi so với dự tính trong Dự án đầu tư xây dựng công trình, đã giảm thời gian lỗ theo kế hoạch gần 5 năm; 9 tháng đầu năm 2016, tổng doanh thu đạt 32,23 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 13,69 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 14,35 tỷ đồng.

Thế mạnh thực sự của Công ty chính là tổ chức bộ máy phù hợp với lĩnh vực hoạt động, không phân quyền qua nhiều cấp trung gian nên quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện rất linh hoạt, tận dụng được thời cơ trong đầu tư và kinh doanh.

Về mặt nhân lực, đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Công ty là những người đã trực tiếp thực hiện và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện ở Miền Trung như Thủy điện Ialy, Vĩnh Sơn, Sông Hinh ... và lực lượng lao động của Công ty hầu hết được đào tạo, tốt nghiệp từ các trường Đại học (chiếm tỷ lệ 48%), Cao đẳng chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 40%) và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và sản xuất điện. Tính đến ngày 30/09/2016, tổng số lao động là 51 người, lương bình quân khoảng 9,6 triệu đồng/người-tháng.

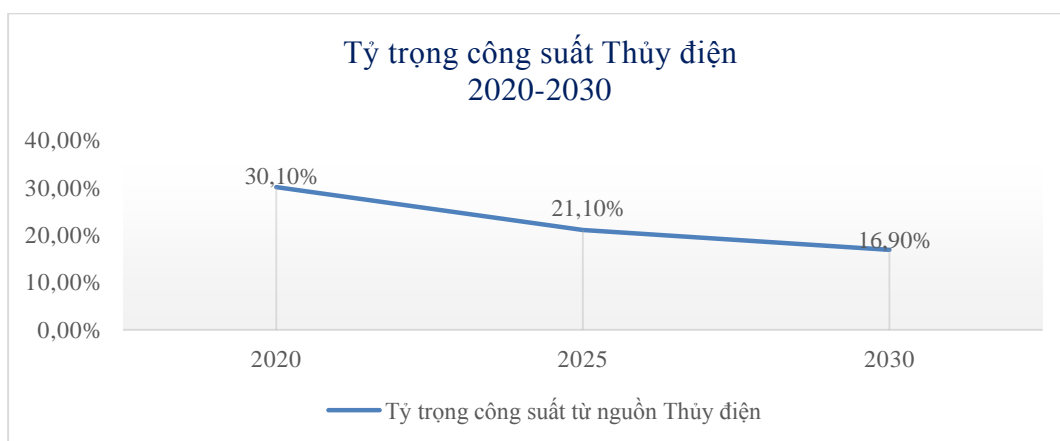
Bộ máy hoạt động linh hoạt kết hợp với nguồn nhân lực đầy năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tiễn chính là sức mạnh giúp Công ty phát triển và khẳng định vị thế của mình trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh và thử thách.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành điện Việt Nam có triển vọng khả quan với nhu cầu tăng mạnh và kỳ vọng mức tiêu thụ điện tiếp tục phát triển trong thời gian tới. Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn từ năm 2011-2020 có xét đến năm 2030 đã được điều chỉnh bởi Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016, hàng năm nhu cầu điện ở Việt Nam tăng bình quân ở mức 7% (giai đoạn từ năm 2016 – năm 2030), tương đương với mức tăng trưởng GDP bình quân.

Mặt khác, thị trường sản xuất điện năng ở Việt Nam hiện nay có đặc điểm là cung chưa đáp ứng đủ cầu. Sản lượng điện sản xuất và mua của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong tháng 6/2016 ước đạt 15,65 tỷ kWh. Lũy kế 6 tháng năm 2016 đạt 84,75 tỷ kWh, tăng 10,75% so với cùng kỳ. Theo thông cáo báo chí của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong tổng sản lượng điện sản xuất và mua 6 tháng đầu năm 2016, thủy điện chiếm 28,3%, tua-bin khí chiếm 29,36%, nhiệt điện dầu chiếm 1,24%, điện mua Trung Quốc chiếm 1,38% và đặc biệt, nhiệt điện than đạt sản lượng huy động cao, chiếm 39,87%.

Với mục tiêu tự chủ, đảm bảo an ninh năng lượng, giữ gìn vệ sinh môi trường, ngành thủy điện sẽ tiếp tục được ưu tiên đầu tư phát triển. Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn từ năm 2011 – năm 2020 có xét đến năm 2030 đã được điều chỉnh bởi Thủ tướng Chính phủ, ngành thủy điện sẽ tiếp tục tăng trưởng, đóng góp lên tới 27.800 MW vào năm 2030 và có sự giảm dần về mặt tỷ trọng trong cơ cấu nguồn điện sản xuất tại Việt Nam.



Bên cạnh đó, Nhà nước sẽ từng bước hình thành và phát triển thị trường điện lực cạnh tranh, đa dạng hóa hình thức đầu tư và kinh doanh điện. Với ưu thế về đặc điểm kinh doanh, không chịu áp lực biến động của giá nguyên liệu đầu vào, sẽ là yếu tố quan trọng làm tăng tính cạnh tranh của các Công ty trong ngành thủy điện nói chung và Công ty nói riêng.

Khó khăn lớn nhất mà ngành điện gặp phải trong việc phát triển nguồn cung điện năng là chi phí đầu tư 1kWh hiện nay còn cao, trong khi giá bán điện mà Nhà nước quy định còn thấp. Do đó trong tương lai, với mục đích khuyến khích đầu tư cải thiện nguồn cung điện năng, khả năng giá điện sẽ được Chính phủ tiếp tục tăng, và được điều chỉnh theo giá thị trường khu vực.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 10: Tình hình tài chính các doanh nghiệp cùng ngành

	Quy mô TTS (Tỷ đồng)	Quy mô VDL (Tỷ đồng)	Thanh toán hiện thời (lần)	Thanh toán nhanh (lần)	Nợ/TTS	Nợ/VCSH
CTCP Sông Ba (SBA)	1.456,56	604,88	0,79	0,78	53,67%	115,85%
CTCP Thủy điện Miền Nam (SHP)	2.912,98	937,10	0,96	0,95	57,54%	135,49%
CTCP thủy điện Thác Mơ (TMP)	1.645,59	700,00	4,11	4,05	33,49%	50,36%
CTCP Đầu tư Điện lực 3 (PIC)	414,62	291,47	1,89	1,59	23,52%	30,76%
CTCP thủy điện Miền Trung (CHP)	3.255,27	1.260,00	1,48	1,34	50,05%	100,19%
CTCP thủy điện Thác Bà (TBC)	872,40	635,00	13,28	13,10	3,43%	3,56%
CTCP Thủy điện Cần Đơn (SJD)	1.389,28	459,99	5,54	5,47	23,59%	30,87%
CTCP Thủy điện – Điện lực 3 (DRL)	133,78	95,00	2,94	2,90	18,67%	22,95%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 của các doanh nghiệp

Bảng 11: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cùng ngành

	DTT (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/ DTT	LNST/ VCSH	LNST/ TTS	LNHỖSXKD/ DTT	EPS (đồng)
CTCP Sông Ba (SBA)	194,93	51,77	26,56%	7,67%	3,55%	28,64%	859
CTCP Thủy điện Miền Nam (SHP)	594,69	164,56	27,67%	13,30%	5,65%	29,23%	1.686
CTCP thủy điện Thác Mơ (TMP)	564,98	212,26	37,57%	19,39%	12,90%	47,31%	2.985
CTCP Đầu tư Điện lực 3 (PIC)	61,45	25,00	40,69%	8,3%	6,5%	43%	884
CTCP thủy điện Miền Trung (CHP)	729,31	328,30	45,02%	20,19%	10,09%	44,66%	2.484
CTCP thủy điện Thác Bà (TBC)	251,09	115,29	45,92%	13,69%	13,22%	56,69%	1.816
CTCP Thủy điện Cần Đơn (SJD)	382,06	178,58	46,74%	16,82%	12,85%	47,71%	3.899
CTCP Thủy điện – Điện lực 3 (DRL)	63,25	34,66	54,80%	31,85%	25,91%	58,20%	3.429

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 của các doanh nghiệp

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong văn bản điều chỉnh quy hoạch điện VII của Thủ tướng chính phủ đã chỉ ra rằng, ưu tiên của Nhà nước sẽ là phát triển các nguồn thủy điện, nhất là các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện); Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên khoảng 21.600 MW vào năm 2020, 24.600 MW vào năm 2025 và khoảng 27.800 MW vào năm 2030. Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng khoảng 29,5% vào năm 2020, khoảng 20,5% vào năm 2025 và khoảng 15,5% vào năm 2030.

Với xu thế bảo vệ môi trường, tìm kiếm những nguồn năng lượng ít gây ô nhiễm, nhưng vẫn đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, việc đầu tư phát triển thủy điện là phù hợp với tình hình hiện tại ở Việt Nam.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Bảng 12: Cơ cấu lao động tại Công ty đến ngày 30/09/2016

TT	Nhân lực	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
A	Trên Đại học		5	
1	Tiến sĩ mạng và hệ thống điện	Người	1	
2	Tiến sĩ thiết bị thủy điện	Người	1	
3	Thạc sĩ mạng và hệ thống điện	Người	1	
4	Thạc sĩ cơ khí	Người	1	
5	Thạc sĩ xây dựng	Người	1	
B	Đại học		24	
1	Kỹ sư xây dựng	Người	9	
2	Kỹ sư công nghệ cơ khí, chế tạo máy	Người	1	
3	Kỹ sư ngành cầu đường	Người	1	
4	Kỹ sư điện	Người	6	
5	Cử nhân khác	Người	8	
C	Cao đẳng		1	
1	Cao đẳng điện	Người	1	
D	Trung cấp		15	
1	Trung cấp điện	Người	14	
2	Trung cấp văn thư - lưu trữ	Người	1	
E	Sơ cấp		6	
1	Thợ điện	Người	2	
2	Thợ cơ khí	Người	1	
3	Lái xe ô tô	Người	2	
4	Sơ cấp ngành khác	Người	1	
Tổng cộng = (A) + (B) + (C) + (D) + (E)		Người	51	

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Tại Công ty, nguồn nhân lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách Lương, thưởng và chế độ đãi ngộ; Tuyển dụng và Đào tạo và Phát triển. Các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ công nhân viên được tổ chức công bằng, thực hiện phân chia thu nhập theo năng lực công tác, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Tất cả cán bộ công nhân viên đều được đóng bảo hiểm (y tế, xã hội, thất nghiệp) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động, Công ty luôn cam kết bảo đảm đầy đủ các quyền lợi về tinh thần, vật chất cho người lao động theo quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

Cùng với Công đoàn, Đoàn thanh niên và Ban nữ công Công ty quan tâm chăm sóc đời sống tinh thần cho người lao động, tặng quà cho cựu quân nhân ngày 22/12, cho con cán bộ công nhân viên nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, khen thưởng động viên các cháu là học sinh khá, giỏi... Việc thăm nom cán bộ công nhân viên lúc đau ốm, hiếu hỉ đều được quan tâm đầy đủ, kịp thời và duy trì thường xuyên. Công ty luôn quan tâm và chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên thể hiện năng lực và phát triển kỹ năng.

Mức lương bình quân đầu người hàng tháng năm 2015 là: 12,34 triệu đồng/người/tháng.

Tính đến hết 30/09/2016, Mức lương bình quân của người lao động: 9,6 triệu đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty. Cổ tức được chi trả cho Cổ đông khi hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho cổ đông theo phần vốn góp. Với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong các năm 2014 và 2015, và dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông như sau:

Năm	Mức cổ tức	Hình thức chi trả cổ tức
2014	5%	Tiền mặt
2015	7%	Tiền mặt

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục đầu tư xây dựng NMTĐ Đa Krông 1 nên đang có kế hoạch tăng vốn điều lệ. Vì vậy cổ tức của Công ty chưa cao nhưng đến khi NMTĐ Đa Krông 1 hoàn thành (dự kiến tháng 4/2017) thì cổ tức Công ty sẽ được cao thêm. Theo tính toán, cổ tức các năm 2017 là 9%, năm 2018 là 11%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao TSCĐ:

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại NMTĐ Đăk Pône, tỉnh Kon Tum thay đổi phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng từ tháng 11 năm 2012. Việc điều chỉnh này đã được Cục thuế Thành phố Đà Nẵng chấp thuận tại Văn bản số 4212/CT-KK&KTT ngày 19/12/2012 và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 18332/BTC-TCĐN ngày 31/12/2013.

❖ **Mức lương bình quân:**

Mức lương bình quân của Công ty trong năm 2015 đạt 12,34 triệu đồng/người/tháng, đây là mức lương tương đương với mặt bằng chung của các đơn vị khác trong ngành.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Tính đến 30/9/2016, Công ty luôn thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn và đầy đủ, chưa có khoản nợ nào xếp vào nợ quá hạn phải trả.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo đúng quy định hiện hành:

Bảng 13: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thuế GTGT đầu ra	885.804.218	783.306.009	409.307.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.025.300	378.202.730	85.586.780
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.500	-
Thuế tài nguyên	592.926.146	434.314.588	470.098.075
Phí và lệ phí	461.389.800	369.374.800	257.734.740
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	2.353.145.464	1.965.220.627	1.222.726.915

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

❖ Trích lập các quỹ theo luật định:

Việc trích lập các quỹ như quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển được Công ty thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và luật định.

Bảng 14: Số dư các quỹ trích lập theo luật định

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Quỹ đầu tư phát triển	131.301.456	131.301.456	1.131.301.456
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-625.787.243	28.572.757	430.537.178

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

❖ Tổng dư nợ vay:

Bảng 15: Tình hình nợ vay của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Vay và nợ ngắn hạn	14.714.285.714	14.714.285.714	14.714.285.714
Vay và nợ dài hạn	36.785.714.286	60.462.351.362	142.034.088.008

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Bảng 16: Dư nợ vay và nợ của Công ty tại thời điểm 30/09/2016

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Thời hạn vay	Ngân hàng cho vay	Giá trị
1	Vay ngắn hạn			14.714.285.714
a	Vay dài hạn đến hạn trả NMTĐ Đắk Pônê	42 tháng	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng - Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	14.714.285.714
2	Vay dài hạn			142.034.088.008
a	NMTĐ Đắk Pônê	42 tháng	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng - Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	14.714.285.715
b	NMTĐ Đa Krông 1	144 tháng		127.319.802.293
			Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông Chi nhánh Trung Việt	127.298.580.829
			Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng - Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	21.221.464

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Tính đến 30/9/2016, Công ty không có nợ vay quá hạn phải trả và không có nợ bảo lãnh.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay:**

- Chi tiết Công nợ phải thu của Công ty

Bảng 17: Công nợ phải thu của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Phải thu của khách hàng	10.100.982.815	20.031.391.349	8.085.834.347
Trả trước cho người bán	11.468.658.294	16.447.940.716	7.041.597.062
Các khoản phải thu khác	347.299.883	239.665.407	298.356.075
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-20.000.000	-20.000.000	-20.000.000
Tổng cộng	21.896.940.992	36.698.997.472	15.405.787.484

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

- Khoản phải thu khách hàng của Công ty chỉ bao gồm giao dịch bán điện với EVNCPC, theo đó, số dư tiền bán điện tại ngày 30/09/2016 là: 8,085 tỷ đồng. Khoản tiền bán điện được ghi nhận vào cuối tháng này và sẽ được thanh toán vào tháng kế tiếp nên khoản phải thu này không quá hạn thanh toán và công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Trả trước cho người bán: đây là tiền ứng trước theo quy định tại hợp đồng thi công các hạng mục thuộc NMTĐ Đa Krông 1 cho các nhà thầu. Số tiền ứng trước này được thu hồi dần qua các đợt thanh toán và sẽ thu hồi hết khi Công ty thanh toán 80% giá trị hợp đồng cho Nhà thầu. Các khoản ứng trước cho người bán luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ.
- Các khoản phải thu khác: chủ yếu là các khoản tiền lãi dự thu ngân hàng, phần còn lại là tiền tạm ứng của cán bộ công nhân viên tạm thời chưa thu hồi đến thời điểm báo cáo.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi: đây là số tiền Công ty Điện lực 3 (nay là EVNCPC) đã ứng trước cho Viện khoa học thủy lợi để thực hiện dịch vụ Báo cáo cơ hội đầu tư dự án thủy điện Sông Tranh 5 vào giữa năm 2007 (dự án này được Công ty Điện lực 3 chuyển sang cho Công ty vào đầu năm 2008). Sau khi tiếp nhận hợp đồng này và nhận thấy, nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu của Công ty, nên Công ty đã dừng thực hiện hợp đồng này và đề nghị Công ty Điện lực 3 (nay là EVNCPC) thu hồi số tiền nhưng đến năm 2013 vẫn không thu được. Vì vậy, Công ty đã trích dự

phòng 100% cho khoản công nợ này từ năm 2013.

- Chi tiết Công nợ phải trả của Công ty

Bảng 18: Công nợ phải trả của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Nợ ngắn hạn	27.147.859.754	37.069.574.808	42.957.772.911
Phải trả người bán ngắn hạn	4.202.607.529	8.959.431.340	12.731.865.933
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.353.145.464	1.965.220.627	1.222.726.915
Phải trả người lao động	3.398.510.134	6.599.731.454	458.637.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.150.392.368	787.002.889	694.398.023
Phải trả ngắn hạn khác	954.705.788	4.015.330.027	12.705.321.648
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.714.285.714	14.714.285.714	14.714.285.714
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-625.787.243	28.572.757	430.537.178
Nợ dài hạn	36.785.714.286	60.462.351.362	142.034.088.008
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	36.785.714.286	60.462.351.362	142.034.088.008
Tổng cộng	63.933.574.040	97.531.926.170	184.991.860.919

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

- Khoản phải trả người bán của Công ty chủ yếu là thanh toán cho các nhà thầu theo khối lượng, tiến độ đã được thỏa thuận tại hợp đồng xây dựng với các Nhà thầu để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản NMTĐ Đa Krông 1. Số tiền phải trả cho các Nhà thầu sẽ hết sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng xây dựng.
- Phải trả ngắn hạn khác của Công ty đến thời điểm 30/09/2016: 12,705 tỷ đồng, chủ yếu là khoản tiền cổ tức năm 2015 của Công ty chưa trả cho cổ đông (do cổ đông chưa đề nghị thanh toán).

Tính đến 30/9/2016, Công ty không có công nợ phải thu khó đòi và nợ quá hạn phải trả.

❖ **Hàng tồn kho:**

Bảng 19: Chi tiết hàng tồn kho của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/14	31/12/15	30/09/16
Nguyên liệu, vật liệu	864.535.537	591.965.410	526.160.779
Vật tư chờ xây lắp	6.168.831.497	10.482.422.362	25.057.823.258
Tổng cộng	7.033.367.034	11.074.387.772	25.583.984.037

BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Tính đến ngày 30/09/2016, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất và cũng không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ phải trả.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,70 lần	1,89 lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,44 lần	1,59 lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	18%	24%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	22%	31%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,1 lần	2,98 lần
+ DTT/Tổng tài sản bình quân	0,14 lần	0,16 lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LNST/DTT	31%	41%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,42%	8,3%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	4,4%	6,5%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	33%	43%

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán của Công ty

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- **Danh sách Ban lãnh đạo Công ty:**

Bảng 21: Danh sách Ban Lãnh đạo Công ty:

Tên	Chức vụ
12.1. Ông Nguyễn Thành	Chủ tịch HĐQT
12.2. Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên HĐQT
	Tổng Giám đốc
12.3. Ông Phạm Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
12.4. Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên HĐQT
12.5. Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT
12.6. Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng BKS
12.7. Bà Lê Thị Minh Chính	Thành viên BKS
12.8. Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS
12.9. Ông Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng Giám đốc
12.10. Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc
12.11. Bà Đặng Thị Thu Nga	Kế toán trưởng

- **Sơ yếu lý lịch chi tiết như sau:**

12.1 Ông Nguyễn Thành

Họ và tên:	Nguyễn Thành
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	16/12/1961
Nơi sinh:	Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	526/12 Trưng Nữ Vương, Thành phố Đà Nẵng
Chứng minh nhân dân số	200102471, ngày cấp 03/03/2011, nơi cấp: CA Đà Nẵng
Điện thoại liên hệ:	0963.580089

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Mạng và Hệ thống điện

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Ba

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 7/1979 đến tháng 8/1982	C2D72 Lữ đoàn 173 - Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng - Quân khu V	Bộ đội, Hạ sĩ, A trưởng
Từ tháng 9/1982 đến tháng 9/1983	Phường Hải Châu 2 - Quận Hải Châu - Đà Nẵng	Cán bộ chuyên trách đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh
Từ tháng 10/1983 đến tháng 7/1988	Trường Đại học bách khoa Đà Nẵng	Sinh viên khoa điện, lớp trưởng 83Đ1
Từ tháng 8/1988 đến tháng 7/1990	Công ty dịch vụ du lịch Đà Nẵng	Trợ lý giám đốc
Từ tháng 8/1990 đến tháng 7/1998	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng kỹ thuật, tổ trưởng tổ lưới điện
Từ tháng 8/1998 đến tháng 4/2003	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó trưởng phòng Kỹ thuật
Từ tháng 4/2003 đến tháng 3/2010	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ tháng 4/2010 đến nay	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Phó Tổng Giám đốc
Từ ngày 10/04/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Ba	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ 25/04/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Cá nhân sở hữu:	Không có
- Sở hữu đại diện của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, là cổ đông Nhà nước (cổ đông sáng lập, công ty mẹ)	15.113.000 cổ phần, chiếm 51,851 % vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan	
+ Nguyễn Thị Phương Thảo - Vợ	420 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết	Thù lao Hội đồng quản trị
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	Không có

12.2 Ông Nguyễn Lương Minh

Họ và tên:	Nguyễn Lương Minh
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	18/08/1969
Nơi sinh:	Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	38 Đặng Thai Mai - TP Đà Nẵng
Chứng minh nhân dân số	200921568, ngày cấp 30/08/2004, nơi cấp: CA Đà Nẵng
Điện thoại liên hệ:	0903505041
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ ngành Mạng và Hệ thống điện
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	- Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Ba

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 09/1992 đến tháng 08/1995	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng Xây Dựng Cơ Bản
Từ tháng 09/1995 đến tháng 9/1997	Ban quản lý dự án lưới điện (nay là Ban QLDA lưới điện Miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên phòng Kỹ thuật kinh tế dự toán
Từ tháng 10/1997 đến tháng 6/2000	Ban quản lý dự án lưới điện (nay là Ban QLDA lưới điện Miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Trưởng phòng Kỹ thuật kinh tế dự toán
Từ tháng 7/2000 đến tháng 4/2003	Ban quản lý dự án lưới điện (nay là Ban QLDA lưới điện Miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó trưởng Ban
Từ tháng 5/2003 đến tháng 3/2006	Ban quản lý dự án lưới điện (nay là Ban QLDA lưới điện Miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Trưởng Ban
Từ ngày 21/12/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
Từ ngày 10/04/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Ba	Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Cá nhân sở hữu: 19.600 cổ phần, chiếm 0,067 % vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, là cổ đông Nhà nước (cổ đông sáng lập, công ty mẹ) 6.477.000 cổ phần, chiếm 22,222 % vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan
 - + Trần Thị Diệu Khuê - Mẹ 5.000 cổ phần, chiếm 0,017% vốn điều lệ
 - + Nguyễn Thị Lan Giao - Vợ 13.000 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ

+ Nguyễn Thị Mỹ Châu - Chị ruột	2.500 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ
+ Nguyễn Lương Giám- Em ruột	2.500 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết	Tiền lương và Thù lao Hội đồng quản trị
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	Không có

12.3 Ông Phạm Quốc Khánh

Họ và tên:	Phạm Quốc Khánh
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	02/09/1961
Nơi sinh:	Xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, Quảng Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	96 Phan Anh, TP Đà Nẵng
Chứng minh nhân dân số	201019354, ngày cấp: 05/06/2007; nơi cấp: CA Đà Nẵng
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0962.024449
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện; Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch Công đoàn chuyên trách Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 đến năm 1987	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Đội Thí nghiệm
Từ năm 1987 đến năm 1994	Xí nghiệp Cơ điện - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Quản đốc Phân xưởng cơ điện, Chủ tịch Công đoàn
Từ năm 1994 đến năm 2002	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó Chủ tịch Công đoàn chuyên trách
Từ năm 2002 đến tháng 03/2010	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chủ tịch Công đoàn chuyên trách
Từ tháng 04/2010 đến nay	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Chủ tịch Công đoàn chuyên trách
Từ ngày 21/12/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Cá nhân sở hữu 3.625 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện Không có
- Sở hữu của người có liên quan Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết Thù lao Hội đồng quản trị

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết Không có

12.4 Ông Đinh Châu Hiếu Thiện

Họ và tên:	Đinh Châu Hiếu Thiện
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	30/03/1966
Nơi sinh:	Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	K62/10 Núi Thành, TP Đà Nẵng
Chứng minh nhân dân số	200883515, ngày cấp: 26/06/2007 ; nơi cấp: CA Đà Nẵng
Điện thoại liên hệ:	0963.135136
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh(MBA); kỹ sư điện
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	- Phó Giám đốc Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung - Tổng công ty Điện lực Miền Trung - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1992 đến năm 1995	Trung tâm thí nghiệm điện (nay là Công ty TNHH một thành viên Thí nghiệm điện miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phân xưởng Role tự động
Từ năm 1995 đến tháng 2/2002	Trung tâm thí nghiệm điện (nay là Công ty TNHH một thành viên Thí nghiệm điện miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng Kế hoạch vật tư
Từ tháng 02/2002 đến tháng 7/2002	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng Kinh doanh
Từ tháng 07/2002 đến tháng 4/2005	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó Trưởng phòng Quản lý thủy điện
Từ tháng 04/2005 đến tháng 03/2010	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Trưởng phòng Quản lý thủy điện
Từ tháng 04/2010 đến tháng 10/2014	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Trưởng Ban Quản lý Thủy điện
Từ tháng 11/2014 đến tháng 5/2015	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Trưởng Ban Quản lý xây dựng
Từ tháng 5/2015 đến nay	Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung - Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Phó Giám đốc
Từ ngày 5/10/2004 đến nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ tháng 8/2008 đến nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ ngày 21/12/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Cá nhân sở hữu	2.325 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện	Không có
- Sở hữu của người có liên quan	Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết

Thù lao Hội đồng quản trị

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

12.5 Bà Nguyễn Thị Hương

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hương
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	03/08/1973
Nơi sinh:	Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	Số 37 tổ 7, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
Chứng minh nhân dân số	030173000002, ngày cấp: 29/03/2013; nơi cấp: CA Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0904.201040
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế phát triển
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 7/1994 đến tháng 7/1997	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chuyên viên thanh toán thuộc Hội đồng thanh toán ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ tháng 7/1997 đến tháng 5/2001	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chuyên viên phân tích kinh tế (trong và ngoài nước), Phòng nghiên cứu kinh tế, Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ tháng 5/2001 đến tháng 12/2005	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Phó phòng Phân tích kinh tế, Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ tháng 12/2005 đến tháng 10/2007	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Phó phòng Chính sách tín dụng và lãi suất, Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ tháng 10/2007 đến tháng 6/2008	Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	Trưởng phòng quản lý rủi ro
Từ tháng 6/2008 đến tháng 3/2010	Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn
Từ tháng 3/2010 đến tháng 01/2016	Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư
Từ tháng 01/2016 đến nay	Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	Phó Tổng Giám đốc
Từ ngày 25/4/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình 1.505.700 cổ phần, chiếm 5,166% % vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	Không có

12.6 Ông Nguyễn Minh Hoài

Họ và tên:	Nguyễn Minh Hoài
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	18/05/1981
Nơi sinh:	Quảng Trị
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	H25/03 - K536, Điện Biên Phủ - Thành phố Đà Nẵng
Chứng minh nhân dân số	197068246, ngày cấp: 13/03/2006; nơi cấp: CA Quảng Trị
Điện thoại liên hệ:	0935.377.588
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2005 đến năm 2007	Ban Quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3 (tên cũ của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên phòng Kế toán
Từ năm 2008 đến tháng 4/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Chuyên viên phòng Tài chính kiêm nhiệm Phụ Trách Kế toán Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Kon Tum
Từ ngày 27/04/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Trưởng ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Sở hữu cá nhân 900 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện Không có
- Sở hữu của người có liên quan Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết Tiền lương

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12.7 Bà Lê Thị Minh Chính

Họ và tên: Lê Thị Minh Chính

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/05/1972

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 22 Nguyễn Chí Thanh - Đà Nẵng

Chứng minh nhân dân số: 201152578, ngày cấp: 09/11/2008; nơi cấp: CA Đà Nẵng

Điện thoại liên hệ: 0963.242524

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên BKS

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1994 đến năm 1997	Công ty Điện Máy Miền Trung	Chuyên viên phòng Kế toán
Từ năm 1997 đến năm 2004	Trung Tâm Máy Tính (nay là Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Trung) - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên phòng Tổng hợp
Từ năm 2004 đến nay	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Chuyên viên Ban Tài Chính - Kế toán
Từ ngày 27/04/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Lực 3	Thành viên BKS

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

- Sở hữu của người có liên quan	
+ Lê Nhật Thành – anh ruột	165 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	Không có

12.8 Bà Phan Thị Thanh Lý

Họ và tên:	Phan Thị Thanh Lý
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	20/01/1971
Nơi sinh:	Quảng Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	222 Lô 53 Lê Hồng Phong - Nha Trang - Khánh Hòa
Chứng minh nhân dân số	225252535, ngày cấp: 29/09/2012; nơi cấp: CA Khánh Hòa
Điện thoại liên hệ:	0982.858.070
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1994 đến tháng 10/2008	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà	Chuyên viên Phòng Kế toán
Từ T.10/2008 đến tháng 3/2012	Trung tâm viễn thông Điện lực - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà	Phó Giám đốc, kiêm phụ trách kế toán
Từ tháng 4/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Từ tháng 12/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Thành viên BKS

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Sở hữu cá nhân Không có
- Sở hữu đại diện Không có
- Sở hữu của người có liên quan Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12.9 Ông Phạm Sĩ Huân

Họ và tên: Phạm Sĩ Huân

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/03/1964

Nơi sinh: Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 354 Đồng Đa, thành phố Đà Nẵng

Chứng minh nhân dân số: 200259696, ngày cấp: 15/11/2011; nơi cấp: CA Đà Nẵng

Điện thoại liên hệ: 0918.911.277

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Thiết bị thủy điện

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/1992 đến tháng 8/1995	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng Thủy điện
Từ tháng 09/1995 đến tháng 10/2001	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng Quản lý xây dựng
Từ tháng 11/2001 đến tháng 3/2002	Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Tổ Quản lý dự án thủy điện
Từ tháng 04/2002 đến tháng 9/2002	Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	Phó Ban thường trực Ban chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Sekaman 3
Từ tháng 10/2002 đến tháng 7/2003	Ban Quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Trưởng phòng Tổng hợp
Từ tháng 08/2003 đến tháng 12/2007	Ban Quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó Trưởng ban
Từ tháng 1/2008 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Cá nhân sở hữu	14.030 cổ phần, chiếm 0,048% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện	Không có
- Sở hữu của người có liên quan	Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

12.10 Ông Nguyễn Dương Long

Họ và tên:	Nguyễn Dương Long
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/02/1972
Nơi sinh:	Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay	225 Huỳnh Ngọc Huệ, TP Đà Nẵng
Chứng minh nhân dân số	201530252, ngày cấp 15/07/2003, nơi cấp: CA Đà Nẵng
Điện thoại liên hệ:	0903.505031
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Mạng và Hệ thống điện
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 8/1994 đến tháng 7/1995	Công ty Điện lực (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên Phòng Xây dựng cơ bản
Từ tháng 8/1995 đến tháng 12/2000	Ban quản lý dự án lưới điện - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Chuyên viên phòng Kỹ thuật
Từ tháng 01/2001 đến tháng 3/2008	Ban quản lý dự án lưới điện - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Kinh tế Dự toán
Từ tháng 4/2008 - tháng 8/2008	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
Từ tháng 8/2008 đến tháng 11/2014	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
Từ ngày 15/11/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Phó Tổng giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Cá nhân sở hữu: 9.997 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người có liên quan
 - + Phạm Thị Thu Nga - Vợ: 29.220 cổ phần, chiếm 0,100% vốn điều lệ
 - + Nguyễn Dương Đại - Em ruột: 310 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12.11 Bà Đặng Thị Thu Nga

Họ và tên: Đặng Thị Thu Nga
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 21/11/1981
 Nơi sinh: Bình Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 341/5 Tôn Đức Thắng - Thành phố Đà Nẵng
 Chứng minh nhân dân số: 201457285, ngày cấp: 10/05/2014; nơi cấp: CA Đà Nẵng
 Điện thoại liên hệ: 0935.511368
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
 Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/2002 đến tháng 08/2007	Ban Quản lý dự án các Công trình thủy điện vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Nhân viên Phòng Tài chính
Từ tháng 08/2007 đến tháng 12/2007	Ban Quản lý dự án các Công trình thủy điện vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	Phó trưởng Phòng Tài chính
Từ tháng 01/2008 đến tháng 03/2008	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Nhân viên Phòng Tài chính
Từ tháng 03/2008 đến tháng 4/2011	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Phó trưởng Phòng Tài chính
Từ tháng 04/2011 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Kế toán trưởng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Sở hữu cá nhân	3.795 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện	Không có
- Sở hữu của người có liên quan	Không có

Những khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

13. Tài sản

❖ Xây dựng cơ bản dở dang:

Bảng 22: Giá trị xây dựng cơ bản dở dang

ĐVT: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Công trình thủy điện ĐăkPône - Trạm thủy điện hồ B	83.315.455	156.945.455	164.308.455
Công trình thủy điện Đa Krông 1	39.175.500.119	116.285.667.463	214.122.757.283
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952	2.900.248.952
Tổng cộng	42.159.064.526	119.342.861.870	217.187.314.690

Nguồn: BCTC 2015 kiểm toán và BCTC Quý 3/2016 của Công ty

Do hiện nay Công ty chỉ tập trung đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đa Krông 1 nên giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Công ty phát sinh chủ yếu cho công trình này.

❖ Tài sản cố định:

Bảng 23: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2015

ĐVT: đồng

Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	304.593.272.454	224.863.343.242	73,82%
Nhà xưởng, vật kiến trúc	174.306.139.365	144.219.151.427	82,74%
Máy móc thiết bị	114.079.149.839	70.928.458.810	62,17%
Phương tiện vận tải	15.815.108.737	9.615.570.005	60,80%
Thiết bị đồ dùng quản lý	392.874.513	100.163.000	25,49%
Tài sản cố định vô hình	33.333.653	0	0,00%
Quyền sử dụng đất dài hạn			
Phần mềm quản lý	33.333.653	0	0,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Công ty

Bảng 24: Giá trị tài sản cố định đến ngày 30/09/2016

ĐVT: đồng

Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Tài sản cố định hữu hình	304.593.272.454	217.484.157.037	71,40%
Nhà xưởng, vật kiến trúc	174.306.139.365	139.489.911.713	80,03%
Máy móc thiết bị	114.079.149.839	68.474.975.403	60,02%
Phương tiện vận tải	15.815.108.737	9.434.131.371	59,65%
Thiết bị đồ dùng quản lý	392.874.513	85.138.550	21,67%
Tài sản cố định vô hình	68.873.653	31.986.000	46,44%
Quyền sử dụng đất dài hạn			
Phần mềm quản lý	68.873.653	31.986.000	46,44%

Nguồn: BCTC quý 3/2016 của Công ty

❖ **Những tài sản có giá trị lớn Công ty đang sử dụng****Bảng 25: Những tài sản có giá trị lớn Công ty đang sử dụng**

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Nguyên giá
I	Nhà cửa	
1	Nhà máy thủy điện Đăk Pône	174.306.139.366
II	Máy móc, thiết bị	
1	Máy móc thiết bị tại NMTĐ Đăk Pône	113.505.788.068
III	Phương tiện vận tải	
1	Đường ống áp lực tại NMTĐ Đăk Pône	14.280.391.237
2	Xe ô tô Mitsubishi Pajero	637.249.500
3	Xe ô tô Toyota Landcruise	690.000.000
4	Xe ô tô Isuzu	207.468.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3❖ **Tình hình đất đai của Công ty:**

Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng bao gồm:

- Diện tích đất EVNCPC tạm giao cho Công ty dùng để làm văn phòng của Công ty là: 156 m², tại 182 Hoàng Diệu - TP Đà Nẵng và Công ty được sử dụng miễn phí cho đến khi Công ty sắp xếp nguồn tiền mua đất và xây văn phòng.
- Diện tích đất thuê được dùng để xây dựng công trình NMTĐ Đăk Pône: 429.606,2 m², tại Xã Măng Cảnh và Xã Đăk Long - Huyện KonPlong - Tỉnh KonTum (theo Quyết định số 5174/QĐ-CT ngày 22/8/2014 của Cục thuế tỉnh KonTum), chi phí thuê đất được miễn từ ngày 3/3/2014 đến ngày 26/10/2025).
- Diện tích đất thuê được dùng để xây dựng công trình NMTĐ Đa Krông 1: 186.936 m², tại Xã Húc Nghì và Xã Tà Long - Huyện Đa Krông - Tỉnh Quảng Trị (Quyết định số 10/QĐ-CT ngày 05/01/2011 về việc miễn 185.237 m² từ tháng 10/2010 đến tháng 9/2025) và Quyết định số 2580/QĐ-CT ngày 26/09/2011 về việc miễn 1.699 m² từ tháng 3/2011 đến tháng 2/2026).

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2016 và những năm tiếp theo

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị thực hiện	Giá trị kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015	Giá trị kế hoạch	% tăng giảm so với năm KH2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	61.450	56.460	-8,12%	97.776	73,18%
LNST	Triệu đồng	25.003	22.773	-8,92%	31.932	40,22%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	291.467	291.467	-	304.470	4,46%
Tỷ lệ LNST/DTT	%	40,69%	40,33%	-	32,66%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	8,58%	7,81%	-	10,49%	-
Cổ tức	%	7,00%	7,00%	-	9,00%	-

Nguồn số liệu: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 ngày 27/04/2016

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Đối với kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016

- Về hoạt động SXKD chính:

Căn cứ đánh giá của Công ty về tình hình thời tiết dự báo trong năm 2016, hợp đồng bán điện đã ký kết với EVNCPC đảm bảo bao tiêu đầu ra, cũng như rà soát thực trạng đã thực hiện theo kết quả kinh doanh đã đạt được từ đầu năm đến nay (cụ thể: kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2016, Doanh thu thuần đã đạt 32,5 tỷ đồng, tương đương 55,93% kế hoạch đặt ra từ đầu năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 13,7 tỷ đồng, tương đương 60,4% chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Tình hình thời tiết trong 3 tháng cuối năm 2016 thuận lợi cho hoạt động SXKD điện của Công ty, cụ thể, tháng 10-11/2016, sản lượng thực tế đã tăng nhanh đáng kể, vượt kế hoạch dự kiến Công ty đã đặt ra cho tháng 10-11/2016 và sản lượng trong tháng 12/2016 dự kiến rất khả quan cho hoạt động phát điện. Nếu tiếp tục duy trì được lượng nước này trong tháng 12/2016 và kết hợp với việc thực hiện đồng bộ các biện pháp (như: tích cực áp dụng nhiều giải pháp kỹ thuật, tổ chức thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng, tập trung công tác an toàn, đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt để tăng sản lượng điện phát, tăng giá bán điện bình quân) thì doanh thu bán điện sẽ xấp xỉ đạt kế hoạch đặt ra do sản lượng điện thương phẩm của Công ty được EVNCPC tiêu thụ 100% theo như Hợp đồng bán điện đã được ký kết giữa Công ty và EVNCPC và lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ dự kiến đạt hơn

100% kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra cho năm tài chính 2016.

Bên cạnh đó, Công ty tập trung tăng cường công tác quản lý, điều hành, thực hiện các biện pháp quản trị nhằm tiết kiệm chi phí thì lợi nhuận sau thuế sẽ đạt được kết quả như ĐHĐCĐ đặt ra, đảm bảo mức chi trả cổ tức 7% cho kết quả hoạt động SXKD năm tài chính 2016, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Dự kiến kết quả thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu	Triệu đồng	56.460,49	56.471,22	100,02%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.181,72	25.343,00	104,80%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	22.772,63	23.875,38	104,84%
4	Tỷ lệ cổ tức	%	7	7	100,00%

▪ Về hoạt động đầu tư xây dựng:

Để đảm bảo kế hoạch ĐHĐCĐ đặt ra cho năm 2016, Công ty đã chỉ đạo các phòng, ban tăng cường cải tiến cách thức điều hành, tổ chức quản lý rủi ro trong tất cả các khâu đầu tư xây dựng. Ban quản lý và các bộ phận khác luôn cố gắng bám sát công trình, khắc phục khó khăn do nhân lực hạn chế để quản lý điều hành thi công. Công ty chú trọng việc quản lý tiến độ, nghiệm thu, thanh toán để tạo điều kiện về vốn cho nhà thầu, đồng thời cũng đã thực hiện các chế tài thưởng, phạt đúng quy định.

Công ty tiếp tục ứng dụng phương pháp PERT (Program Evaluation and Review Technique) vào quản lý tiến độ, tăng cường phòng ngừa rủi ro, tăng độ tin cậy trong hoạch định và quản lý tiến độ công trình, thực hiện giám sát bằng hình ảnh đã góp phần nâng cao hiệu quả QLDA, quản lý tốt các gói thầu thuộc đường Gantt của Nhà máy thủy điện Đa Krông 1, phần đấu đưa nhà máy vào vận hành vào tháng 4/2017.

▪ Về kế hoạch tài chính:

Trên cơ sở kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016, các nguồn thu trong năm và kết chuyển tiền từ năm trước. Theo đó, ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua phương án chào bán cổ phiếu năm 2016 với những nội dung sau:

- + Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3
- + Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- + Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 800.000 cổ phiếu
- + Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- + Cơ sở xác định giá chào bán: theo mệnh giá
- + Đối tượng được chào bán: cổ đông EVNCPC
- + Hình thức phân phối: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho EVNCPC: 800.000 cổ phiếu (bằng 8 tỷ đồng).
- + Thời gian chào bán: từ tháng 6/2016 (thời gian chào bán cụ thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi được UBCKNN cho phép). Thời gian chào bán kết thúc tối đa vào tháng 12/2016.
- + Hạn chế chuyển nhượng: hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- + Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu năm 2016 (Kế hoạch giải ngân đầu tư xây dựng):

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Số tiền
Nhà máy thủy điện Đăk Pone	2.140
- Nâng đập hồ A	1.840
- Xây dựng Trạm thủy điện hồ B	300
Nhà máy thủy điện Đa Krông 1	153.666
Tổng cộng	155.806
Trong đó: - Vốn góp	12.190
- Vốn vay	143.616

- Tuy nhiên, trong năm 2016, với tình hình thực tế của Công ty và của cổ đông EVNCPC, Công ty nhận thấy có thể cân đối, sắp xếp được nguồn vốn để đảm bảo kế hoạch SXKD, ĐTXD như ĐHĐCĐ đề ra mà chưa cần thực hiện huy động. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ tại NQ số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2016, HĐQT đã ra Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 25/07/2016, Công ty đã tạm hoãn thực hiện chào bán cổ phiếu cho năm 2016.

Trên cơ sở nguồn tiền hiện có và dự báo tình hình thu chi trong năm 2017, Công ty dự kiến sẽ đề xuất ĐHĐCĐ cho phép được huy động thêm 13 tỷ đồng để bổ sung vào vốn điều lệ của Công ty trong năm 2017 để đảm bảo nguồn vốn thực hiện kế hoạch SXKD, ĐTXD như ĐHĐCĐ đề ra.

Việc hoãn thực hiện chào bán cổ phiếu cho năm 2016 dù sẽ khó khăn hơn cho Công ty về dòng tiền, nhưng sẽ giảm áp lực cho Công ty trong việc đảm bảo mức chi trả cổ tức cho năm tài chính 2016 như ĐHCĐ đã đặt ra. Đây cũng là một trong những công việc thể hiện sự nỗ lực, cố gắng của Công ty đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Đối với kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 2017

Trên cơ sở sản lượng điện thương phẩm của Công ty được EVNCPC đảm bảo bao tiêu đầu ra (theo hợp đồng bán điện đã ký giữa EVNCPC và Công ty); đánh giá lưu lượng nước của NMTĐ Đăk Pône, NMTĐ Đa Krông 1 những năm qua do Trung tâm khí tượng thủy văn cung cấp; kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước và tiến độ thi công NMTĐ Đa Krông, Công ty nhận thấy thời tiết năm 2017 sẽ thuận lợi cho vận hành NMTĐ Đăk Pône và NMTĐ Đa Krông (dự kiến bắt đầu từ tháng 4/2017). Với những điều kiện thuận lợi này, dự kiến từ tháng 4/2017, Công ty sẽ bắt đầu vận hành NMTĐ Đa Krông 1 bên cạnh tiếp tục vận hành NMTĐ Đăk Pone, đây là nguyên nhân chính giúp cho doanh thu bán điện sẽ tăng 73,18% và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng 40,22% trong năm 2017.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ tập trung đào tạo nguồn nhân lực về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (nhất là lực lượng vận hành mới tiếp nhận của NMTĐ Đa Krông) để vận hành an toàn, đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt để tăng sản lượng điện phát; tiếp tục phát huy hơn nữa công tác sáng kiến, giải pháp hợp lý hóa, quản trị doanh nghiệp, tối ưu hóa chi phí trong vận hành để đạt được doanh thu, lợi nhuận và mức cổ tức như ĐHCĐ đề ra cho năm 2017.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty CP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành những nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty là doanh nghiệp tuy mới hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm 6 năm nhưng với đội ngũ lãnh đạo có thâm niên lãnh đạo, quản trị các dự án thủy điện quy mô lớn, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, tận tâm; Công ty luôn đề cao chú trọng công tác quản trị chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành điện trong những năm sắp tới của Việt Nam, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình . đưa ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Mã chứng khoán: PIC****2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu Phổ thông****3. Mệnh giá: 10.000 đồng****4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 29.146.707 cổ phiếu****5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

Tổng số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tổ chức niêm yết là **1.559.972 cổ phần, chiếm 5,35% vốn điều lệ**, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật là: **1.559.972 cổ phần, chiếm 5,35% vốn điều lệ**.

Theo Mục d khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định: *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

STT	Cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	
			6 tháng tiếp theo	Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Lương Minh	Thành viên HĐQT - TGD	9.800	19.600
2	Phạm Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	1.813	3.625
3	Đình Châu Hiếu Thiện	Thành viên HĐQT	1.163	2.325
4	Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban kiểm soát	450	900
5	Nguyễn Dương Long	Phó Tổng giám đốc	4.999	9.997
6	Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng giám đốc	7.015	14.030
7	Đặng Thị Thu Nga	Kế toán trưởng	1.898	3.795
8	Ngân hàng TMCP An Bình	Cổ đông lớn có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT	752.850	1.505.700

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của tổ chức niêm yết là **0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.**

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Giá trị sổ sách cổ phiếu:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2015:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{317.088.317.342 \text{ đồng}}{29.146.707 \text{ cổ phần}} = 10.879 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 30/9/2016

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{308.209.420.815 \text{ đồng}}{29.146.707 \text{ cổ phần}} = 10.574 \text{ đồng/cổ phần}$$

6.2. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (*gọi tắt là phương pháp so sánh P/E*)
 - Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (*Gọi tắt là phương pháp P/BV*)
- Phương pháp so sánh P/E: Phương pháp này dựa trên thu nhập năm 2015 của PIC và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các Công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Phương pháp so sánh P/BV: Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2015 của PIC và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của Công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp tính giá, mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với Quy định tại thời điểm Niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty. Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân theo các quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ (có hiệu lực ngày 1 tháng 9 năm 2015) và Thông tư 123/2015/TT-BTC ban hành ngày 18/8/2015 về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Vì vậy, khi được phép giao dịch niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 12/10/2016, nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ.

Trường hợp các quy định về việc giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông nước ngoài có thay đổi, công ty cam kết sẽ tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 02/01/2008 (theo giấy đăng ký kinh doanh), hiện nay, từ ngày 01/01/2016, Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Ưu đãi thuế TNDN: Hoạt động bán điện của Công ty từ NMTĐ Đăk Pone tại tỉnh Kon Tum được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính (các nội dung ưu đãi thuế này nay đã được thay thế bằng Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính), cụ thể như sau: miễn thuế 4 năm (2010÷2013), thuế suất 5% (= 50% x thuế suất 10%) trong 9 năm tiếp theo (2014÷2022), thuế suất 10% trong 2 năm tiếp theo (2023÷2025). Các hoạt động kinh còn lại được áp dụng thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành (năm 2015 là 22%, năm 2016 là 20%).

8.2 Các loại thuế khác:

Các loại thuế khác được áp dụng theo quy định hiện hành.

8.3 Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và các quy định sửa đổi, bổ sung thì Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- *Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.*
- *Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:*
 - Trường hợp cá nhân chuyên nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam

hay tại nước ngoài.

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư tổ chức thực hiện nộp thuế thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009. Theo đó, nhà đầu tư tổ chức phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- *Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu*
- *Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư*

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức niêm yết:****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Địa chỉ : 78A Duy Tân, P. Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, T.P Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 05112 212545 Fax: 05112 2210000

Website : www.pc3invest.vn

2. Tổ chức tư vấn:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ : Tầng 2 – 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

3. Tổ chức kiểm toán năm 2014, 2015:**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

Địa chỉ : Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q.Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 3655886 Fax: (0511) 3655887

Website : www.aac.com.vn

4. Tổ chức soát xét báo cáo tài chính bán niên 2016**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM – VĂN PHÒNG MIỀN TRUNG**

Địa chỉ : 197 Lê Đình Lý, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 3633 334 Fax: (0511) 3633 334

Website : www.rsm.global/vietnam

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty;
- 3. Phụ lục III:** BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC Quý III 2016.

CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 12 năm 2016

TỔ CHỨC NIÊM YẾT - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thành

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lương Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Thu Nga

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Minh Hoài

TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN.TP. HCM
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



A red circular stamp from FPT Securities Branch, Ho Chi Minh City. The stamp contains the text: "S. Q. Đ. : 584 - C. T. C. P.", "CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT", and "TP. HÀ NỘI" at the bottom. A blue ink signature is written over the stamp.

LÊ QUANG NGỌC THANH